

BAN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CỦA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP
KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ
TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: 2 Phan Chu Trinh - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3941 2626 Fax: (84.4) 3934 7818



TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: 164 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.37332359 Fax: 04.37474647



Biên cơ hội thành giá trị

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 1, TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3818 1888 Fax: (84-4) 3818 1688

Chi nhánh Tp.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 - 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3915 1368 Fax: (84-8) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3525 777 Fax: (84-511) 3525 779

Tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU.....	4
1. Tổ chức phát hành	4
2. Cổ phần chào bán đấu giá.....	4
3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần	5
4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc.....	6
5. Tổ chức tư vấn:.....	6
II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH.....	7
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	10
V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	11
1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa	11
2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Tổng công ty.....	14
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	22
4. Tình hình lao động chuyển sang công ty cổ phần	22
5. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2015	24
6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	25
7. Danh sách những Công ty Mẹ, Công ty con của doanh nghiệp cổ phần hóa	33
8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	39
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	54
VI. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ.....	55
1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh	55
2. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần	59
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá.....	66
4. Cơ cấu lao động của Công ty sau cổ phần hoá.....	70
5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần	71
VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	71
1. Phương thức bán.....	71
2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán	73

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ.....	73
1. Dự kiến số tiền thu được từ cổ phần hóa.....	73
2. Phương án xử lý số tiền thu được từ cổ phần hóa	74
IX. KẾ HOẠCH THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN.....	74
X. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	75
1. Rủi ro về nền kinh tế.....	75
2. Rủi ro về luật pháp.....	77
3. Rủi ro đặc thù	78
4. Rủi ro của đợt chào bán.....	78
5. Các rủi ro khác.....	78
XI. THAY LỜI KẾT	79

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**1. Tổ chức phát hành**

- Tên Công ty : **Tổng công ty Vật tư nông nghiệp – Công ty TNHH Một thành viên**
- Địa chỉ : 164 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04.37332359
- Fax : 04.37474647
- Vốn điều lệ Công ty cổ phần : 220.000.000.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần : 22.000.000 cổ phần

Trong đó

- ❖ *Cổ phần nhà nước* : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- ❖ *Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động* : 238.200 cổ phần, chiếm 1,08% vốn điều lệ
- ❖ *Tổ chức công đoàn* : 11.200 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
- ❖ *Các nhà đầu tư bên ngoài* : 21.750.580 cổ phần, chiếm 98,87% vốn điều lệ

2. Cổ phần chào bán đấu giá

- Số lượng cổ phần chào bán đấu giá : 6.350.580 cổ phần, chiếm 28,87% vốn điều lệ
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
- Hình thức phát hành : Bán cổ phần phát hành lần đầu của Doanh nghiệp
: 100% vốn Nhà nước cổ phần hoá theo phương thức đấu giá
- Phương thức đấu giá : Theo quy định tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp” do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành
- Giá khởi điểm : 10.100 đồng/cổ phần
- Đặt cọc : Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu : 100 cổ phần

- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư : 6.350.580 cổ phần được đăng ký mua tối đa

3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần

3.1 Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá:

Theo “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp” do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

3.2 Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự đấu giá, nộp tiền cọc và nhận phiếu đấu giá:

Theo thời gian được ghi tại Quy chế đấu giá.

3.3 Điều kiện đăng ký tham dự đấu giá

- (1) Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu và nộp đúng thời hạn theo quy định.
- (2) Nộp đủ tiền đặt cọc là 10% tổng giá trị cổ phần đăng ký tính theo giá khởi điểm trong thời hạn đăng ký như quy định.
- (3) Đảm bảo đủ điều kiện tham gia đầu tư, đấu giá mua cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- (4) Có các giấy tờ liên quan khác:

✚ Đối với cá nhân trong nước:

- Xuất trình CMND, giấy tờ tùy thân hợp lệ để tiến hành đối chiếu.
- Kê khai địa chỉ cụ thể, chính xác và rõ ràng.

✚ Đối với tổ chức trong nước:

- Nếu người Đại diện theo pháp luật không đăng ký trực tiếp thì phải có Giấy ủy quyền hợp lệ do người Đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền cho người đăng ký tham dự. Người được ủy quyền phải mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ khi đăng ký tham dự đấu giá.
- Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đó (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập...)

✚ Đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài:

- Bản sao Hộ chiếu/CMND (trường hợp ủy quyền đấu giá cho người Việt Nam).
- Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu có).

- Xuất trình giấy mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
- Đối với tổ chức: Ngoài các hồ sơ trên, cần có thêm Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập...), Công văn ủy quyền hợp lệ cho người đại diện tổ chức đó tham dự đấu giá (trong trường hợp đây không phải là người đại diện pháp lý của tổ chức đó).

3.4 Quy định về nộp tiền đặt cọc và tiền mua cổ phần:

Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào các tài khoản của các đại lý đấu giá được công bố trong quy chế đấu giá

3.5 Giới hạn về số lượng cổ phần đăng ký tham dự đấu giá:

- **Đối với nhà đầu tư trong nước:** Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần và tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán là 6.350.580 cổ phần.
- **Đối với nhà đầu tư nước ngoài:** Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần và tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán là 6.350.580 cổ phần.

4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

+ Thời gian tổ chức buổi đấu giá:

Theo thời gian được quy định tại **Quy chế đấu giá**.

+ Địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84- 4) 3941 2626 Fax: (84-4) 3934 7818.

+ Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Theo quy định tại **Quy chế đấu giá**.
- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần: Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của các đại lý đấu giá nơi mà nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá.
- Thời gian hoàn trả tiền đặt cọc: Theo quy định tại Quy chế đấu giá.
- Địa điểm: Tại các địa điểm đã đăng ký tham dự đấu giá.

5. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3 – Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Số điện thoại: 04. 3818 1888 Fax: 04. 3818 1688

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng

Số điện thoại: 0511. 3525 777 Fax: 0511. 3523 779

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM

Số điện thoại: 08. 3915 1368 Fax: 08. 3915 1369

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-TW ngày 12/03/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;
- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 06/03/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Căn cứ văn bản số 2130/TTg-ĐMDN ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 4587/QĐ-BNN-QLDN ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 4956/QĐ-BNN-QLDN ngày 17/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-BNN-QLDN ngày 16/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh nhân sự Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 4990/QĐ-BNN-QLDN ngày 19/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 1106/QĐ-BNN-QLDN ngày 06/04/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 3950/QĐ-BNN-QLDN ngày 05/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Vật tư nông nghiệp để thực hiện cổ phần hóa;
- Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-TTg ngày 28/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Căn cứ Văn bản số 4255/BNN-QLDN ngày 25/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chấp thuận mức giá khởi điểm, chọn Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội là đơn vị tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu của Tổng công ty Vật tư nông nghiệp;
- Và các văn bản pháp lý khác liên quan khác.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá:

- Ông Nguyễn Trường Thắng Chức vụ: Thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa

(Theo Công văn số 4628/BNN-QLDN ngày 07/06/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thông tin bán cổ phần lần đầu, cử cán bộ thực hiện giám sát việc bán đấu giá cổ phần)

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổ chức tư vấn lập.

2. Doanh nghiệp cổ phần hoá:**TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP**

- **Ông Nguyễn Trường Thắng** Chức vụ: Phụ trách Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Tổng công ty.

3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

- **Ông Vũ Đức Tiến** Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng công ty Vật tư nông nghiệp. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Vật tư nông nghiệp cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản công bố thông tin:

- BNN&PTNN : Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Tổng công ty : Tổng công ty Vật tư nông nghiệp
- VIGECAM : Tổng công ty Vật tư nông nghiệp
- HĐQTV : Hội đồng thành viên
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- CPH : Cổ phần hóa

V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa

- **Thông tin khái quát**

– Tên doanh nghiệp:	Tổng công ty Vật tư nông nghiệp – Công ty TNHH Một thành viên
– Địa chỉ:	164 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
– Điện thoại:	04.37332359
– Fax:	04.37474647
– Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp nhà nước:	Số 0100104468, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
– Sản phẩm dịch vụ chủ yếu:	Tổng công ty hiện nay đang kinh doanh thương mại và dịch vụ. Ngành hàng kinh doanh chủ yếu là xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư nông nghiệp như: phân bón; kinh doanh xuất khẩu chè và các mặt hàng nông sản khác; kinh doanh nông sản nội địa; kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho bãi; kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- **Lịch sử hình thành và phát triển**

Tiền thân Tổng công ty Vật tư nông nghiệp là một đơn vị của hợp tác xã mua bán Trung ương, năm 1960 chuyển thành tổ chức quốc doanh trực thuộc Bộ Nội thương, năm 1962 chuyển sang ngành nông nghiệp với tên gọi là Cục tư liệu sản xuất, sau được đổi tên thành Cục Vật tư nông nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp. Từ năm 1973, Cục Tư liệu sản xuất đổi thành Tổng công ty nhưng vẫn giữ tên gọi truyền thống Vật tư nông nghiệp. Từ đó, Tổng công ty Vật tư nông nghiệp trở thành một đơn vị kinh doanh cung ứng vật tư nông nghiệp lớn nhất, có các đơn vị cấp I trực thuộc đóng tại các đầu mối tiếp nhận vật tư ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Các công ty Vật tư nông nghiệp cấp II bàn giao về cho các tỉnh, thành phố quản lý nhưng chuyên ngành cung ứng vật tư nông nghiệp vẫn là một hệ thống gắn kết chặt chẽ.

Đến năm 2010, thực hiện theo Quyết định số 1527/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 07/06/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án chuyển Tổng công ty Vật tư nông nghiệp sang tổ chức và hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con và chuyển Công ty mẹ -

Tổng công ty Vật tư nông nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Tổng công ty Vật tư nông nghiệp – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Qua 55 năm hình thành và phát triển, Tổng công ty Vật tư nông nghiệp luôn giữ vai trò là một đơn vị hậu cần lớn của sản xuất nông nghiệp cả nước. Hàng năm cung ứng một khối lượng rất lớn phân bón hóa học và các loại vật tư chuyên dùng để phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần không nhỏ làm tăng sản lượng lương thực, đảm bảo an ninh lương thực. Nhờ đóng góp của vật tư nông nghiệp, ngành lương thực đã phát triển mạnh, không những giải quyết được tình trạng thiếu lương thực kéo dài hàng chục năm mà 15 năm qua còn có gạo dư thừa, mỗi năm xuất khẩu hàng triệu tấn với kim ngạch xuất khẩu trị giá hàng tỷ USD.

• ***Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa***

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104468, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh đã đăng ký của Tổng công ty bao gồm:

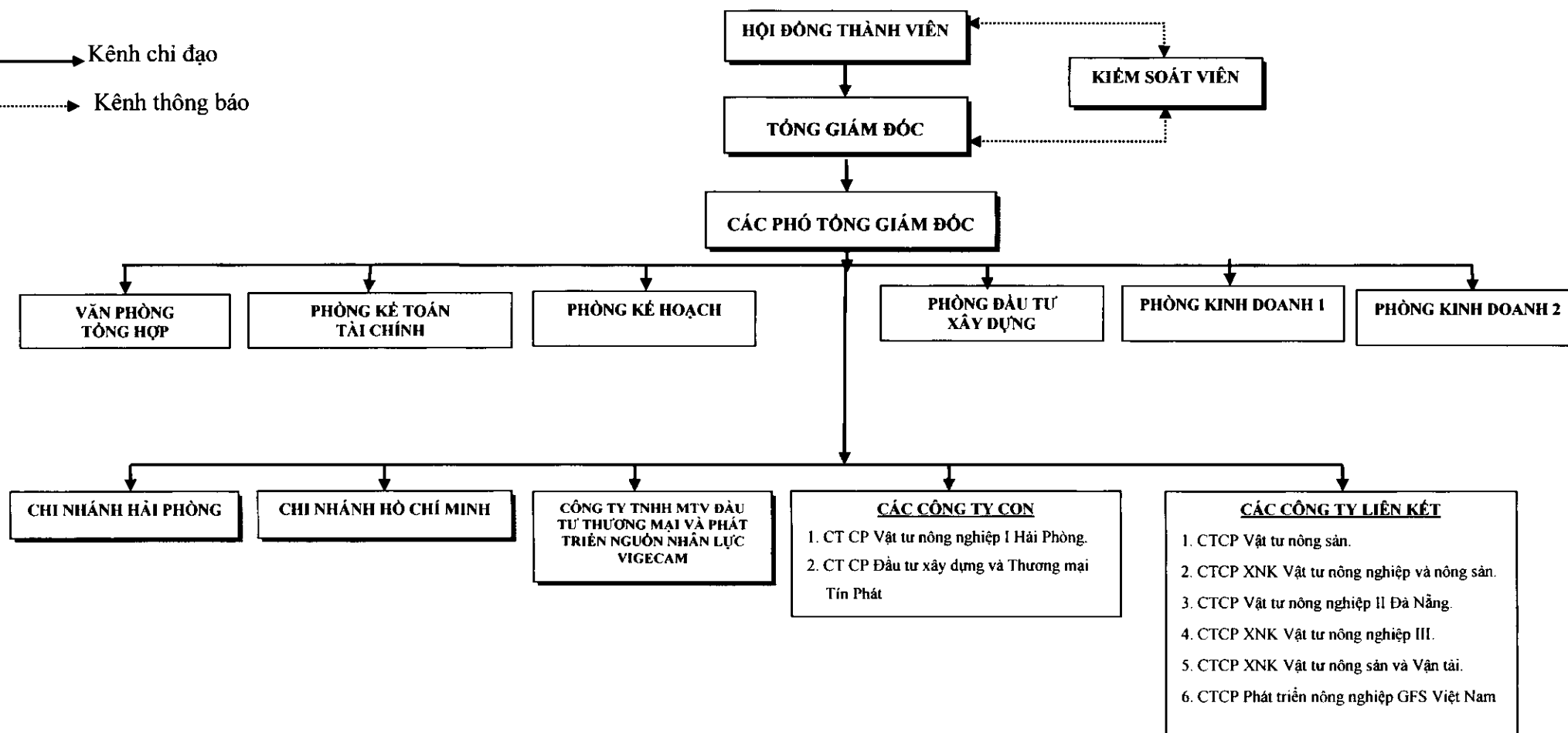
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý mua bán cafe, chè; Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Môi giới thương mại.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Lập dự án, quản lý dự án các công trình: giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, điện (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị điện dùng trong mạch điện); Mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông.
- Xây dựng nhà các loại.
- Phá dỡ: phá dỡ công trình xây dựng.

- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình: giao thông, dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường); Cho thuê văn phòng, nhà ở, cửa hàng.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Dịch vụ đấu giá bất động sản (Không bao gồm định giá); Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị văn phòng, đồ dùng cá nhân, gia đình, thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông.
- Bán buôn, chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Mua bán thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Mua bán đồ dùng cá nhân, gia đình.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.
- Bán buôn gạo.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm).
- Vận tải hàng hóa đường bộ: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa.
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận chuyển hành khách.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

- Bán buôn thực phẩm (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Tổng công ty

→ Kênh chỉ đạo
 ← Kênh thông báo



❖ Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên Tổng công ty là đại diện trực tiếp của Chủ sở hữu tại Tổng công ty, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, có chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định hiện hành của nhà nước. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật về mọi hoạt động của Tổng công ty.

❖ Kiểm soát viên

Kiểm soát viên do Chủ sở hữu bổ nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu trong quản lý, điều hành hoạt động sản kinh doanh của Tổng công ty gồm: Việc chấp hành các chế độ chính sách pháp luật của nhà nước; kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn của Tổng công ty nhằm bảo toàn phát triển và kinh doanh có hiệu quả; giám sát công tác tổ chức cán bộ tiền lương; giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính của Tổng công ty.

❖ Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, tổ chức điều hành hoạt động của Tổng công ty theo các mục tiêu, kế hoạch, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên Tổng công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên Tổng công ty, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Ban Tổng giám đốc vừa điều hành quản lý vốn và tài sản của Công ty mẹ - Tổng công ty đến các công ty con với vai trò là chủ sở hữu, vừa trực tiếp điều hành về sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính tại các dự án với góc độ là nhà thầu hoặc chủ đầu tư. Ngoài ra trong một số trường hợp vừa là chủ sở hữu vừa là người điều hành vừa là đối tác với các công ty thành viên trong các hợp đồng kinh tế.

❖ Các Phòng nghiệp vụ:

Công ty mẹ có 06 phòng nghiệp vụ, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban như sau:

➤ Phòng Đầu tư Xây dựng:**▪ Chức năng:**

Tham mưu, giúp việc và làm đầu mối cho Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ bản và quản lý các dự án

▪ Nhiệm vụ:

- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ về chuẩn bị đầu tư đối với các dự án: Tổng công ty đầu tư 100% vốn; các dự án hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý đầu tư, xây dựng và thông lệ quốc tế

- Khảo sát thị trường đối với sản phẩm dự kiến sản xuất, môi trường đầu tư, nơi Tổng công ty dự định xây dựng dự án;
- Xây dựng Đề án (nghiên cứu tiền khả thi, khả thi) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Chuẩn bị văn kiện, tài liệu, nội dung đàm phán và tham gia đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước;
- Thực hiện các nhiệm vụ về giao nhận đất, xin cấp phép xây dựng, phối hợp với các đơn vị liên quan giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng công trình;
- Quản lý hồ sơ dự án, thiết kế hoặc thuê thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng công trình;
- Lập hồ sơ mời thầu, trình cấp có thẩm quyền lựa chọn nhà thầu;
- Thương thảo hợp đồng với các nhà thầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Các công việc khác trong quá trình chuẩn bị đầu tư.
- ✓ Quản lý, thực hiện dự án trong quá trình đầu tư theo quy định của nhà nước
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công công trình;
- Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn vệ sinh môi trường của công trình xây dựng.
- ✓ Nghiệm thu thanh toán, quyết toán công trình theo hợp đồng đã ký kết.
- ✓ Theo dõi tình hình quản lý sử dụng đất đai, thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan Tổng công ty.
- ✓ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý đầu tư xây dựng của chủ đầu tư đối với các công việc cải tạo sửa chữa, nâng cấp, bảo trì công trình hoặc hạng mục công trình của cơ quan Tổng công ty.
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc giao.
- **Phòng Kế toán – Tài chính:**
 - Chức năng:

Tham mưu giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trên các lĩnh vực: Tài chính, đầu tư tài chính, hạch toán kế toán, phân tích hoạt động kinh tế đối với các hoạt động đầu tư, sản xuất – kinh doanh của Tổng công ty; Theo dõi công nợ, tiền hàng, các chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí khác của Tổng công ty; Kiểm tra giám sát việc thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
 - Nhiệm vụ:
 - ✓ Trên cơ sở kế hoạch tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các phòng, ban, chi nhánh trong Tổng công ty tổng hợp xây dựng kế hoạch tài chính chung của Tổng công ty, tổ chức kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban, chi nhánh thực hiện đúng kế hoạch tài chính đã đề ra;

- ✓ Quản lý, kiểm tra và theo dõi hiệu quả sử dụng vốn tại: Tổng công ty, các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết và trên các thị trường tài chính mà Tổng công ty đầu tư;
- ✓ Thăm định về mặt tài chính và hiệu quả kinh tế đối với các dự án đầu tư, hợp đồng kinh tế, mua bán, vay, cho vay theo sự phân cấp quản lý của Tổng công ty;
- ✓ Thực hiện nhiệm vụ hạch toán kế toán toàn bộ hoạt động sản xuất – kinh doanh xuất nhập khẩu tại Tổng công ty; tổng hợp theo dõi tình hình hoạt động tài chính của các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết;
- ✓ Phân tích hoạt động kinh tế hàng năm của Tổng công ty;
- ✓ Tổng hợp, xử lý và lưu giữ các tài liệu, số liệu tài chính, kế toán theo đúng các chuẩn mực kế toán, Luật Kế toán và các quy định quản lý tài chính của Nhà nước;
- ✓ Thực hiện các tác nghiệp về nghiệp vụ kế toán trong Tổng công ty;
- ✓ Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu chi tài chính, thanh toán, giao nộp; Tình hình quản lý, sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn của Tổng công ty kê cả vốn đưa vào liên doanh, liên kết, hợp tác;
- ✓ Tổng hợp toàn bộ hoạt động tài chính của cơ quan Tổng công ty và các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty; Lập báo cáo, quyết toán hợp nhất sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, cả năm của Tổng công ty;
- ✓ Thăm tra quyết toán dự án hoàn thành, trình Tổng công ty;
- ✓ Tư vấn, chỉ đạo về mặt nghiệp vụ kế toán – tài chính cho các phòng, ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc Tổng công ty;
- ✓ Phối hợp với các phòng, ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc Tổng công ty xây dựng kế hoạch giá mua, giá bán, giá tồn kho các loại hàng hóa, vật tư và tài sản của Tổng công ty;
- ✓ Quyết toán các dự án mà Tổng công ty đầu tư hoặc tham gia góp vốn;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng Giám đốc giao.

➤ **Phòng kinh doanh 1:**

- Chức năng:
 - ✓ Tham mưu giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực: quan hệ đối ngoại, chính sách xuất – nhập khẩu, pháp luật của Việt Nam và Quốc tế về hoạt động kinh doanh này;
 - ✓ Tìm kiếm thị trường, nguồn hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.
- Nhiệm vụ:
 - ✓ Điều tra, nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước; Phân tích và tổng hợp các thông tin thương mại; Nắm bắt cơ hội kinh doanh, thực hiện công tác Marketing, tìm kiếm khách hàng;

- ✓ Phát triển thị trường hiện có của Tổng công ty; Mở rộng địa bàn tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty và các đơn vị thành viên nhằm tham gia tăng sản lượng phân bón tiêu thụ kinh doanh có hiệu quả;
- ✓ Xây dựng và soạn thảo các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu trình Tổng Giám đốc phê duyệt;
- ✓ Soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp và thông lệ quốc tế để Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền ký;
- ✓ Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;
- ✓ Tổ chức triển khai thực hiện các hợp đồng kinh tế trên cơ sở phương án kinh doanh đã được duyệt;
- ✓ Đề xuất với lãnh đạo Tổng công ty về các biện pháp quản lý nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- ✓ Tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm; Phân tích đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh theo tháng, quý, năm;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng Giám đốc giao.

➤ **Phòng kinh doanh 2:**

▪ Chức năng:

- ✓ Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong các lĩnh vực: quan hệ đối ngoại, chính sách xuất – nhập khẩu, pháp luật của Việt Nam và Quốc tế về hoạt động kinh doanh này;
- ✓ Tìm kiếm thị trường, nguồn hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

▪ Nhiệm vụ:

- ✓ Điều tra, nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước; Phân tích và tổng hợp các thông tin thương mại; Nắm bắt cơ hội kinh doanh, thực hiện công tác Marketing, tìm kiếm khách hàng;
- ✓ Phát triển thị trường hiện có của Tổng công ty; Mở rộng địa bàn tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty và các đơn vị thành viên nhằm tham gia tăng sản lượng phân bón tiêu thụ kinh doanh có hiệu quả;
- ✓ Xây dựng và soạn thảo các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu trình Tổng Giám đốc phê duyệt;
- ✓ Soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp và thông lệ quốc tế để Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền ký;
- ✓ Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản – thực phẩm, thiết bị, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng,...;

- ✓ Tổ chức triển khai thực hiện các hợp đồng kinh tế trên cơ sở phương án kinh doanh đã được duyệt;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng giám đốc giao.
- **Phòng Kế hoạch:**
 - Chức năng:

Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trên các lĩnh vực kế hoạch và chiến lược trong sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu; kiểm tra các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu của các phòng trình Tổng giám đốc duyệt.
 - Nhiệm vụ:
 - ✓ Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của các phòng, ban, chi nhánh và đơn vị phụ thuộc trong Tổng công ty xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh hàng năm, ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Tổng công ty;
 - ✓ Kiểm tra, thẩm định các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu;
 - ✓ Đánh giá và phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty;
 - ✓ Tổng hợp cân đối kế hoạch sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu của Tổng công ty;
 - ✓ Điều phối việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty;
 - ✓ Dự báo thường xuyên về cung cầu, giá cả hàng hóa trên thị trường trong nước và ngoài nước đối với các mặt hàng mà Tổng công ty kinh doanh;
 - ✓ Thống kê, tổng hợp các thông tin liên quan đến sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
 - ✓ Lập báo cáo tổng hợp và báo cáo thống kê theo định kỳ báo cáo tổng kết năm để báo cáo Tổng giám đốc và các cơ quan hữu quan;
 - ✓ Phối hợp với các phòng, ban và các đơn vị phụ thuộc trong Tổng công ty xây dựng kế hoạch giá mua, giá bán, giá tồn kho và các loại vật tư, hàng hóa và tài sản của Tổng công ty;
 - ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc giao.
- **Văn phòng Tổng hợp:**
 - Chức năng:
 - ✓ Tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự; Xây dựng quy hoạch cán bộ, các chế độ chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và đối với người lao động;
 - ✓ Thanh tra – pháp chế; giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo; thi đua khen thưởng, dân quân tự vệ;
 - ✓ Công tác hành chính quản trị; bảo vệ tài sản; phòng chống cháy nổ.
 - Nhiệm vụ:

- ✓ Nghiên cứu các mô hình tổ chức quản lý tiên tiến để vận dụng vào thực tiễn của Tổng công ty; nghiên cứu áp dụng cải cách hành chính, lề lối làm việc, mối quan hệ giữa các phòng ban đơn vị của Tổng công ty thông suốt và hiệu quả;
- ✓ Xây dựng các phương án quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt của Tổng công ty;
- ✓ Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công nhân đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty;
- ✓ Tổ chức xây dựng chức danh tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật của cán bộ công nhân viên trong Tổng công ty; Thực hiện việc thi chuyển ngạch, nâng lương, nâng bậc;
- ✓ Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước; Làm Sổ Bảo hiểm xã hội, theo dõi đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của cán bộ công nhân viên và người lao động trong Tổng công ty;
- ✓ Theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ, việc chấp hành Nội quy lao động, Quy chế làm việc và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ công nhân viên trong cơ quan Tổng công ty;
- ✓ Tổ chức xây dựng và quản lý định mức lao động, đơn giá tiền lương gắn với kết quả sản xuất kinh doanh;
- ✓ Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo theo quy định của pháp luật trong phạm vi của Tổng công ty;
- ✓ Theo dõi, thực hiện việc nâng, trả lương và các chế độ khác cho cán bộ công nhân viên Tổng công ty; theo dõi công tác an toàn, vệ sinh lao động trong Tổng công ty;
- ✓ Quản lý con dấu, quản lý hồ sơ nhân sự của cán bộ công nhân viên Tổng công ty thuộc thẩm quyền quản lý;
- ✓ Soạn thảo, thẩm định tính pháp lý của các nội quy, quy chế của Tổng công ty; chịu trách nhiệm về pháp lý và tư vấn đối với các hoạt động của Tổng công ty;
- ✓ Tổ chức phát động, hướng dẫn phong trào thi đua, theo dõi và tổng kết phong trào thi đua lao động sản xuất trong Tổng công ty;
- ✓ Đảm bảo và đáp ứng đầy đủ, kịp thời các cơ sở vật chất mang tính chất văn phòng để Lãnh đạo và các phòng ban trong cơ quan Tổng công ty hoạt động tốt;
- ✓ Quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa toàn bộ nhà cửa, trang thiết bị và tài sản của cơ quan Tổng công ty;
- ✓ Đón tiếp và hướng dẫn khách đến làm việc tại Tổng công ty;
- ✓ Đưa thông tin, bảo mật và quản lý mạng LAN trong Tổng công ty; sửa chữa, bảo dưỡng (cả phần cứng, phần mềm) các computer và thiết bị ngoại vi của Tổng công ty;
- ✓ Thực hiện công tác văn thư lưu trữ;
- ✓ Quản lý, bố trí phương tiện đi lại và các trang thiết bị vật tư văn phòng cho lãnh đạo và cán bộ cơ quan Tổng công ty làm việc và đi công tác;
- ✓ Quản lý hồ sơ pháp lý, hồ sơ đất đai và hồ sơ bất động sản thuộc cơ quan Tổng công ty;

- ✓ Bảo vệ tài sản; tìm kiếm đối tác và chủ động làm việc với khách hàng đến thuê văn phòng làm việc tại tòa nhà cơ quan Tổng công ty - 16 Ngô Tất Tố, khách sạn 120 Quán Thánh và các tòa nhà khác của Tổng công ty;
- ✓ Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường tại trụ sở Tổng công ty;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng giám đốc giao.
- ❖ **Các công ty con, công ty liên kết, đầu tư tài chính và đơn vị trực thuộc:**

➤ **Công ty con**

1. Công ty CP Vật tư nông nghiệp I Hải Phòng
2. Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Tín Phát

➤ **Công ty liên kết**

1. Công ty CP Vật tư nông nghiệp II Đà Nẵng
2. Công ty CP XNK Vật tư nông nghiệp III
3. Công ty CP Vật tư nông sản
4. Công ty CP Xuất nhập khẩu Vật tư nông nghiệp và nông sản
5. Công ty CP Xuất nhập khẩu Vật tư nông sản và Vận tải
6. Công ty CP Phát triển Nông nghiệp GFS Việt Nam

➤ **Đơn vị trực thuộc**

1. Chi nhánh Hải Phòng
2. Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
3. Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Phát triển nguồn nhân lực VIGECAM

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Tổng công ty hiện nay đang kinh doanh thương mại và dịch vụ. Ngành hàng kinh doanh chủ yếu là xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư nông nghiệp như: phân bón; kinh doanh xuất khẩu chè và các mặt hàng nông sản khác; kinh doanh nông sản nội địa; kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà xưởng và kho bãi; kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp.

4. Tình hình lao động chuyển sang công ty cổ phần

4.1. Thu nhập CBCNV

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng quỹ lương (đồng)	5.793.600.000	5.718.960.000	6.004.999.680	6.224.000.000
2	Tổng số lao động (người)	68	60	64	64
3	Thu nhập BQ (đồng/người/tháng)	7.100.000	7.943.000	7.819.010	8.104.166

Nguồn: Tổng công ty

4.2. Cơ cấu và trình độ lao động của Tổng công ty.

- ❖ Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động trước cổ phần hóa là: **69 người**
- ❖ Phân loại lao động của Tổng công ty trước Cổ phần hóa như sau (tại ngày 05/10/2015):

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ	69	100%
1	Đại học và trên đại học	59	85,51%
2	Cao đẳng, trung cấp	3	4,35%
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	2	2,90%
4	Lao động khác	5	7,24%
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	69	100%
1	Viên chức quản lý doanh nghiệp (không thuộc diện ký Hợp đồng lao động)	6	8,69%
2	Lao động không xác định thời hạn	45	65,22%
3	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	18	26,09%
4	Khác	0	0%

Nguồn: Tổng công ty

- ❖ Cơ cấu lao động của Tổng công ty sau cổ phần hóa

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ	66	100%
1	Đại học và trên đại học	56	84,85%
2	Cao đẳng, trung cấp	3	4,55%
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	2	3,03%
4	Lao động khác	5	7,58%
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	66	100%
1	Viên chức quản lý doanh nghiệp (không thuộc diện ký Hợp đồng lao động)	5	7,58%
2	Lao động không xác định thời hạn	44	66,67%

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
3	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	17	25,76%
4	Khác	0	0%

Nguồn: Tổng công ty

5. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2015

Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 24h00 ngày 31/03/2015 là **363.581.960.931** đồng. Trong đó:

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **117.241.583.230** đồng

Chi tiết kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4 - 3
A	Tài sản đang dùng	351.216.487.767	363.581.960.931	12.365.473.164
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	152.684.362.462	165.049.835.597	12.365.473.135
1	Tài sản cố định	46.218.674.264	56.969.367.363	10.750.693.099
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	91.482.426.501	92.845.992.080	1.363.565.579
3	Chi phí XDCB dở dang	10.784.291.968	10.784.291.968	-
4	Chi phí trả trước dài hạn	2.625.108.721	2.876.323.178	251.214.457
5	Tài sản dài hạn khác	1.573.861.008	1.573.861.008	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	198.532.125.305	198.532.125.334	29
1	Tiền	63.251.939.031	63.251.939.060	29
+	Tiền mặt tồn quỹ	1.082.756.511	1.082.756.540	29
+	Tiền gửi ngân hàng	62.169.182.520	62.169.182.520	-
4	Các khoản phải thu	121.750.175.025	121.750.175.025	-
2	Vật tư, hàng hoá tồn kho	8.938.170.223	8.938.170.223	-
3	Tài sản lưu động khác	4.591.841.026	4.591.841.026	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	Tài sản không cần dùng	61.728.191.403	61.728.191.403	-

STT	Chỉ tiêu	Số liệu kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	61.728.191.403	61.728.191.403	-
1	Công nợ không có khả năng thu hồi	61.728.191.403	61.728.191.403	-
C	Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D	Tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi, khen thưởng	-	-	-
	Tổng giá trị tài sản của DN (A+B+C+D)	412.944.679.170	425.310.152.334	12.365.473.164
	Trong đó: Tổng giá trị thực tế DN (Mục A)	351.216.487.767	363.581.960.931	12.365.473.164
	Nợ thực tế phải trả	246.340.377.701	246.340.377.701	-
E1	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
F	Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp [A-<E1+E2>]	104.876.110.066	117.241.583.230	12.365.473.164

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của VIGECAM tại thời điểm 31/03/2015

6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

- **Đất đai:** Hiện nay, Tổng công ty quản lý và sử dụng diện tích đất đang thuê của nhà nước với tổng diện tích 114.874,34 m² gồm 06 lô đất tại thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

STT	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng, những vấn đề tồn tại	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN (đồng)
1	Thửa đất tại số 120 Quán Thánh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	276,0	Hiện có nhà bê tông cốt thép 10 tầng	Văn phòng làm việc và văn phòng cho thuê.	Thuê đất trả tiền hàng năm	Theo hợp đồng thuê đất số 92-2004/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 10/09/2004, thời hạn thuê 13 năm 6 tháng kể từ ngày 09/07/2004. Đến tháng 2/2018 hết hạn thuê đất.	Tổng công ty đã có văn bản đề nghị được tiếp tục thuê, quản lý và sử dụng theo phương án sử dụng đất hiện tại, nhưng đến thời điểm hiện nay, Tổng công ty chưa nhận được chấp thuận của UBND TP Hà Nội.	
2	Thửa đất tại số 16 Ngõ Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Diện tích đất 1.585,4m ² , diện tích sàn sử dụng 2.475,9 m ²	Hiện đang có 1 nhà 07 tầng, 03 nhà 02 tầng (một toà nhà 02 tầng UBND thành phố Hà Nội và các sở, ngành đang làm thủ tục để	Văn phòng làm việc của đơn vị thành viên, liên kết và văn phòng cho thuê.	Thuê đất trả tiền hàng năm	Thực hiện thuê đất và trả tiền thuê hàng năm theo hợp đồng thuê đất số 09/XN2/HDDTN26/XD ngày 15/4/2009 giữa Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội và Tổng công ty, thời hạn thuê 05 năm kể từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2014. Căn cứ công văn số 11226/BTC-QLCS ngày 12/8/2014 của Bộ Tài chính về việc Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Tổng công ty Vật tư nông nghiệp trên địa bàn Hà Nội, tại cơ sở nhà, đất số 16 Ngõ Tất Tố, quận Đống Đa: Phần diện tích nhà, đất Công ty cổ phần Đầu tư nông nghiệp Hà Nội đang sử dụng (Nhà B: diện tích đất 80,4 m ² ,	Tổng công ty đã có văn bản đề nghị được tiếp tục thuê, quản lý và sử dụng theo phương án sử dụng đất hiện tại, nhưng đến thời điểm hiện nay, Tổng công ty chưa nhận được chấp thuận của UBND TP Hà Nội.	

STT	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng, những vấn đề tồn tại	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN (đồng)
			cho Cty CP Đầu tư nông nghiệp Hà Nội thuê)			diện tích sàn sử dụng: 120 m ²): Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội chấm dứt hợp đồng thuê nhà với Tổng công ty và ký hợp đồng cho Công ty CP ĐTNN Hà Nội thuê nhà). Hiện nay, Liên ngành của Hà Nội có Văn bản số 1662/LN-SXD-STC-STN&MT-CTQL&PTN ngày 10/3/2016 gửi UBND thành phố Hà Nội đề nghị phân bổ cho Công ty CP ĐTNN Hà Nội thuê: <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nhà: 177,5 m² - Diện tích đất: 204,3 m² (sử dụng riêng 97,1 m², sử dụng chung phân bổ không hoạch định 107,2 m²). Hiện nay, UBND Thành phố Hà Nội chưa có quyết định về việc phân chia diện tích sử dụng giữa hai đơn vị và Công ty Quản lý và Phát triển nhà chưa ký lại hợp đồng với TCT. 		
3	Thửa đất tại số 164 Trần Quang Khải, phường Lý	536,0	Hiện đang có 01 nhà	Văn phòng làm việc của công ty	Thuê đất trả tiền	Theo hợp đồng thuê đất số 93-2004/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 10/09/2004,	Tổng công ty đã có văn bản đề nghị được tiếp tục thuê, quản lý và sử dụng theo	

STT	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m2)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng, những vấn đề tồn tại	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN (đồng)
	Thái Tô, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội		04 tầng.	mẹ - TCT Vật tư nông nghiệp.	hàng năm	thời hạn thuê 41 năm kể từ ngày 09/04/2004.	phương án sử dụng đất hiện tại, nhưng đến thời điểm hiện nay, Tổng công ty chưa nhận được chấp thuận của UBND TP Hà Nội .	
4	Thửa đất tại số 166-168-170 Hải Thượng Lãn Ông, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh	554,94	Một dãy nhà 01 tầng và 01 nhà 02 tầng.	Văn phòng làm việc của Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.		Được chuyển giao theo Biên bản thỏa thuận số 645/BBTT-TCT-VHNNH ngày 12/10/2004 về việc thanh toán nợ giữa Ngân hàng Việt Hoa với Tổng công ty Vật tư nông nghiệp. Hồ sơ đất đang bị thất lạc nên Tổng công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao thuê, thời hạn thuê là từng năm một. Hiện nay đã hết hạn hợp đồng nhưng Công ty CP Năm Sao vẫn quản lý, chưa bàn giao lại cho Tổng công ty.	Tổng công ty đã có văn bản đề nghị được tiếp tục quản lý và sử dụng lô đất tại 166-168-170 Hải Thượng Lãn Ông, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh theo phương án sử dụng đất hiện tại, nhưng đến thời điểm hiện nay, Tổng công ty chưa nhận được ý kiến của UBND TP Hồ Chí Minh	
5	Thửa đất tại Khu vui chơi giải trí Đồng Đa, phường Trung Liệt, quận Đống Đa	23.042	Dự án đã tiến hành san lấp, giải phóng	Thực hiện triển khai dự án "Tổ hợp vui chơi giải	Thuê đất trả tiền hàng năm	Theo Hợp đồng thuê đất số 22-97/ĐC-HĐTĐTN ngày 17/06/1997, thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 21/05/1997. Năm 2003, Tổng công ty và UBND Quận Đống Đa có Biên bản thỏa thuận dành	Theo QĐ 723/QĐ-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty	

STT	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m2)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng, những vấn đề tồn tại	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN (đồng)
	Đa, thành phố Hà Nội		mặt bằng. (Hiện nay có một số hộ dân lấn chiếm khuôn viên Dự án)	trí” theo Quyết định phê duyệt dự án số 671 NN-ĐTXD/QĐ ngày 24/4/1997 của Bộ NN&PTNT, Quyết định giao đất số 332/TTg ngày 21/5/1997 của Thủ tướng CP và Quyết định số 3013 QĐ/BNN-		7.000m2 để xây dựng nhà Văn hóa Quận. Vì vậy, ngày 12/8/2014, tại văn bản số 11226/BCT-QLCS của Bộ Tài chính về việc Phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất của Tổng công ty trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg chỉ nêu diện tích đất dự án là 16.042m2. Hiện nay chưa có Quyết định về việc thu hồi đất của dự án để XD nhà Văn hóa Quận. UBND Quận Đống Đa hiện đang quản lý phần diện tích này. Bộ NN&PTNN đã có Văn bản số 3552/BNN-QLDN ngày 08/5/2015 và Văn bản số 7600/BNN-QLDN ngày 15/9/2015 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt cho phép chuyển chủ đầu tư Dự án sang Công ty CP Tập đoàn Quốc tế Năm Sao. Ngày 19/10/2015, Thủ tướng CP đã có Công văn số 1853/TTg-KTN như sau: “... thực hiện chuyển nhượng dự án xây dựng tổ hợp vui chơi giải trí Đống Đa theo quy định hiện hành”. Hiện nay, Cty CP TĐQT Năm Sao đang có kiến nghị làm thủ tục chuyển chủ	Vật tư nông nghiệp: “Đối với diện tích đất tiếp tục giữ lại để quản lý, sử dụng (bao gồm cả diện tích đất thuộc Dự án tổ hợp vui chơi, giải trí Đống Đa), Tổng công ty Vật tư nông nghiệp – Công ty cổ phần kế thừa, thực hiện thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất”. Tổng công ty đã có văn bản đề nghị được tiếp tục thuê, quản lý và sử dụng theo phương án sử dụng đất hiện tại, nhưng đến thời điểm hiện nay, Tổng công ty chưa nhận được chấp thuận của UBND TP Hà Nội	

STT	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m2)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng, những vấn đề tồn tại	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN (đồng)
				XDCB ngày 04/9/2003 của Bộ NN&PTNT về việc chuyển chủ đầu tư dự án sang Tổng công ty		đầu tư Dự án cho Công ty này. Số tiền thuê đất còn nợ của Dự án đến ngày 30/4/2016: 14.434.506.044 đồng (Trong đó: Tiền thuê đất: 8.971.718.736 đồng; Tiền chậm nộp: 5.443.664.828 đồng, số tiền này và các chi phí phát sinh khác sẽ được hạch toán vào chi phí xây dựng dở dang của Dự án).		
6	Thửa đất tại xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	88.880	Hiện đang triển khai dự án xây dựng nhà máy sản xuất phân bón. 2 nhà xưởng hiện đang xây dựng	Văn phòng, kho bãi, nhà xưởng, kinh doanh	Thuê đất trả tiền hằng năm	Theo hợp đồng thuê đất số 14/HĐTĐ ngày 20/01/2006, thời hạn thuê 40 năm kể từ ngày 31/12/2004. Tổng công ty đã thực hiện góp vốn bằng toàn bộ tài sản trên đất và quyền thuê đất trên diện tích đất 88.880 m2 của Tổng công ty, thành lập Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp GFS Việt Nam để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK công suất 360.000 tấn/năm tại Thủy Nguyên – Hải Phòng. Tỷ lệ cổ phần Tổng công ty nắm giữ tại Công ty	Là tài sản của Công ty CP PTNN GFS Việt Nam quản lý, sử dụng để triển khai xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK.	

STT	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m2)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng, những vấn đề tồn tại	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị DN (đồng)
			dờ dang			này là 26%. Công ty CP PTNN GFS Việt Nam đã được Sở KH & ĐT Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 30/3/2016, MS dự án: 5881022770. Hiện nay Công ty CP PTNN GFS Việt Nam đang làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.		
	Tổng cộng	114.874,34						

Nguồn: Tổng Công ty

Lưu ý:

Tại cơ sở 120 Quán Thánh và 164 Trần Quang Khải, Thành phố Hà Nội, Bộ Tài chính đã có Quyết định số 1975/QĐ-BCT ngày 12/8/2014 cho phép Tổng công ty Vật tư nông nghiệp được bán tài sản trên đất và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất.

Tại cơ sở 166-168-170 Hải Thượng Lãn Ông, Quận 5, TP Hồ Chí Minh, Bộ Tài chính đã có Quyết định số 1701/QĐ-BTC ngày 15/7/2014 cho phép Tổng công ty Vật tư nông nghiệp được bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Nhưng đến nay, Tổng công ty Vật tư nông nghiệp vẫn giữ lại để tiếp tục quản lý sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần.

▪ **Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2015**

STT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ đang dùng	83.372.271.613	46.218.674.264	86.469.218.397	56.969.367.363
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	77.228.054.370	43.938.042.037	80.097.912.884	54.243.212.528
2	Máy móc, thiết bị	1.025.261.739	465.410.280	1.025.261.739	487.660.392
3	Phương tiện vận tải	4.438.781.886	1.708.269.007	5.068.300.654	2.184.264.706
4	Thiết bị dụng cụ quản lý và TSCĐ	643.173.618	106.258.499	240.743.120	53.535.296
5	Tài sản cố định vô hình	37.000.000	694.441	37.000.000	694.441
B	TSCĐ không cần dùng	-	-	-	-
C	TSCĐ chờ thanh lý	-	-	-	-
D	TSCĐ hình thành từ Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	-	-	-	-
	Tổng cộng	83.372.271.613	46.218.674.264	86.469.218.397	56.969.367.363

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2015 của VIGECAM

▪ **Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015:**

STT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	80.344.569.972	50.299.981.276
2	Máy móc, thiết bị	516.219.962	88.919.205
3	Phương tiện vận tải	5.058.400.654	2.225.097.922
4	Thiết bị dụng cụ quản lý và TSCĐ	513.027.809	54.583.138
5	Tài sản cố định vô hình	37.000.000	694.441
	Tổng cộng	86.469.218.397	52.669.275.982

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2015 của VIGECAM

7. Danh sách những Công ty Mẹ, Công ty con của doanh nghiệp cổ phần hóa

- Công ty mẹ: Không có công ty mẹ
- Các công ty con:

1.	CTCP Vật tư nông nghiệp I Hải Phòng	26.241	57,00	Số 10 Phố Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh Vật tư nông nghiệp, nông sản và dịch vụ	29/6//2005
2.	CTCP Đầu tư xây dựng và Thương mại Tín Phát	5.249	76,19	Số 16 Ngõ Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Kinh doanh xây dựng, thương mại, Vật tư nông nghiệp, dịch vụ	01/7/2005

- Các công ty liên kết (tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/3/2015):

1.	CTCP Vật tư nông nghiệp II Đà Nẵng	27.140	38,22	Số 38 Pasteur, thành phố Đà Nẵng	Kinh doanh phân bón và Vật tư nông nghiệp, nông sản, dịch vụ	3/11/2005
2.	CTCP XNK Vật tư nông nghiệp III	219.209	6,00	Số 24A Tôn Thất Thuyết, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh, sản xuất phân bón, Vật tư nông nghiệp, nông sản, dịch vụ	4/12/2003
3.	CTCP Vật tư nông sản	176.704	7,42.	Số 14 Ngõ Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Kinh doanh, sản xuất phân bón và Vật tư nông nghiệp, nông sản, dịch vụ	3/11/2005
4.	CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư nông nghiệp và nông sản	10.110	48,00	Xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Kinh doanh phân bón, nông sản và Vật tư nông nghiệp, dịch vụ	11/11/1999
5.	CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư nông sản và Vận tải	5.200	47,82	Số 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản và dịch vụ	27/06/2003
6.	CTCP Phát triển Nông nghiệp GFS Việt Nam	110.000	26,00	Số 508 Trường Chinh, phường Ngã Tư Sờ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ, kinh doanh phân bón, nông lâm sản, dịch vụ, đại lý môi giới	1/10/2014

Ghi chú:

1. Ngày 19/5/2016, Tổng công ty đã thực hiện thoái một phần vốn tại Công ty CP Vật tư nông nghiệp II Đà Nẵng, còn lại 763.800 cổ phần (chiếm tỷ lệ 28,14% vốn điều lệ Công ty CP Vật tư nông nghiệp II Đà Nẵng) tại Công ty Chứng khoán Nông nghiệp & PTNT

2. Hiện nay, Công ty CP VTNN II Đà Nẵng đã chuyển về địa chỉ số 757 Nguyễn Hữu Thọ, Đà Nẵng.

▪ **Đơn vị trực thuộc**

1.	Chi nhánh Hải Phòng	Số 2 đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	0	Kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp, nông sản, máy móc, thiết bị, và dịch vụ
2.	Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Số 134 Tôn Thất Thuyết, phường 15, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	0	Kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp, nông sản, máy móc, thiết bị, và dịch vụ
3.	Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Phát triển nguồn nhân lực VIGECAM	Số 16 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	30.000.000.000	Kinh doanh phân bón, nông sản, vật tư nông nghiệp, máy móc, thiết bị, và dịch vụ

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU
CÁC CÔNG TY CON CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT NĂM 2013**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Vốn CSH	Tỷ lệ vốn góp của TCT (%)	Tổng tài sản	Nợ phải thu		Nợ phải trả		Tổng doanh thu	Lợi nhuận sau thuế
					Tổng	Quá hạn	Tổng	Quá hạn		
I	Công ty con									
1	CTCP VTNN I Hải Phòng	32.759	57,00	78.446	42.087	1.017	45.687	0	478.812	4.187
2	CTCP ĐT XD&TM Tín Phát	3.318	76,00	13.679	3.663	0	10.361	0	10.124	-877
II	Công ty liên kết									
1	CTCP VTNN II Đà Nẵng	30.331	38,22	122.631	36.944		92.300		1.188.985	185
2	CTCP XNK VTNN III TP	231.867	6,00	349.620	90.459		117.752		1.193.037	3.949

STT	Chỉ tiêu	Vốn CSH	Tỷ lệ vốn góp của TCT (%)	Tổng tài sản	Nợ phải thu		Nợ phải trả		Tổng doanh thu	Lợi nhuận KT trước thuế
					Tổng	Quá hạn	Tổng	Quá hạn		
3	CTCP XNK Vật tư nông sản và vận tải	5.341	47,83	10.217	2.240		4.875		15.369	99
4	CTCP XNK VTNN và nông sản	11.368	48,00	109.279	7.400		97.911		343.016	102
5	CTCP Vật tư nông sản	176.704	7,42						5.318.830	8.285

Ghi chú: Riêng Công ty CP Vật tư nông sản, do vốn góp của Tổng công ty tại Công ty Nông sản chiếm một tỷ lệ nhỏ nên Công ty không cung cấp số liệu Báo cáo tài chính (Vốn 176.704 triệu đồng trên là vốn điều lệ)

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU CÁC CÔNG TY CON CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT NĂM 2014

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Vốn CSH	Tỷ lệ vốn góp của TCT (%)	Tổng tài sản	Nợ phải thu		Nợ phải trả		Tổng doanh thu	Lợi nhuận KT trước thuế
					Tổng	Quá hạn	Tổng	Quá hạn		
I	Công ty con									
1	Cty CP VTNN I Hải Phòng	27.930	57,00	72.262	44.714	2.800	44.332	0	400.044	6.177
2	Cty CP ĐT XD&TM Tín Phát	2.149	76,00	12.847	2.712	0	10.698	0	8.258	-1.161
II	Công ty liên kết									
1	Cty CP VTNN II Đà Nẵng	33.955	38,22	152.396	44.577		118.441		735.636	12.808
2	Cty CP XNK VTNN III	231.305	6,00	623.597	290.945		392.292		973.459	2.599
3	Cty CP XNK Vật tư nông sản và vận tải	5.492	47,83	11.376	2.177		5.884		15.046	274
4	Cty CP XNK VTNN và nông sản	-27.387	48,00	62.129	1.139		89.517		182.334	-38.755
5	Cty CP Vật tư nông sản	176.704	7,42	2.223.391					4.781.297	45.314
6	Cty CP Phát triển nông nghiệp GFS Việt Nam	110.000	26,00							

Ghi chú:

1. Đối với Công ty CP VTNN I Hải Phòng: Năm 2014, theo Báo cáo của Người đại diện vốn, trong số nợ phải thu trên, có nợ phải thu tồn tại đã lâu là: 43.560 triệu đồng, khách hàng nợ có cam kết bằng tài sản đảm bảo.

2. Đối với Công ty GFS: Công ty mới được thành lập năm 2014, đang trong quá trình đầu tư hạ tầng cơ sở, hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên doanh, liên kết, chưa có sản phẩm bán ra, nên chưa phát sinh doanh thu.

3. Đối với Công ty CP VT Nông sản: Do vốn góp nhà nước tại Công ty chiếm tỷ lệ rất thấp, nên Công ty không cung cấp số liệu Báo cáo tài chính. (Vốn 176.704 triệu đồng trên là vốn điều lệ)

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU
CÁC CÔNG TY CON CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT 31/3/2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Vốn CSH	Tỷ lệ vốn góp của TCT (%)	Tổng tài sản	Nợ phải thu		Nợ phải trả		Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
					Tổng	Quá hạn	Tổng	Quá hạn		
I	Công ty con									
1	Cty CP VTNN I Hải Phòng	28.027	57,00	68.914	41.087	2.800	40.886	0	46.274	224
2	Cty CP ĐT XD&TM Tín Phát	1.952	76,00	12.754	3.607	0	10.802	0	2.900	-167
II	Công ty liên kết									
1	Cty CP VTNN II Đà Nẵng	34.193	38,22	84.353	43.722		50.160		349.718	304
2	Cty CP XNK VTNN III	232.696	6,00	569.247	238.920		336.551		239.879	1.783
3	Cty CP XNK Vật tư nông sản và vận tải	5.213	47,82	11.909	1.730		6.695		2.573	13
4	Cty CP XNK VTNN và nông sản	-30.372	48,00	65.268	29.844		95.641	77.857	96.863	-2.985
5	Cty CP Vật tư nông sản	176.704	7,42							
6	Cty CP PTNN GFS Việt Nam	110.000	26,00							

Ghi chú:

1. Đối với Công ty CP VTNN I Hải Phòng: Theo Báo cáo của Người đại diện vốn trong số nợ phải thu trên, chủ yếu là những khoản nợ đã lâu, khách hàng nợ có cam kết tài sản đảm bảo.

2. Đối với Công ty CP Đầu tư XD & TM Tín Phát, do kinh doanh thua lỗ nên vốn chủ sở hữu còn 1.952 triệu đồng (Vốn điều lệ 5.249 triệu đồng)

3. Đối với Công ty CP XNK Vật tư nông nghiệp & nông sản: Do Công ty kinh doanh thua lỗ trên 38 tỷ đồng lũy kế, vốn điều lệ là 10.110 triệu đồng, nên vốn chủ sở hữu bị âm.

4. Đối với Công ty CP VT Nông sản: Do vốn góp nhà nước tại Công ty chiếm tỷ lệ rất thấp, nên Công ty không cung cấp số liệu Báo cáo tài chính, (Vốn 176.704 triệu đồng trên là vốn điều lệ)

5. Đối với Công ty GFS: Công ty đang trong quá trình đầu tư hạ tầng cơ sở, lắp đặt thiết bị máy móc, chưa có sản phẩm bán ra, nên chưa phát sinh doanh thu.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU CÁC CÔNG TY CON CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT NĂM 2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Vốn CSH	Tỷ lệ vốn góp của TCT (%)	Tổng tài sản	Nợ phải thu		Nợ phải trả		Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
					Tổng	Quá hạn	Tổng	Quá hạn		
I	Công ty con									
1	Cty CP VTNN I Hải Phòng	27.931	57,00	68.115	41.019	2.800	40.183	0	292.981	3.598
2	Cty CP ĐT XD&TM Tín Phát	1.346	76,00	8.962	2.911	0	7.615	0	11.548	-735
II	Công ty liên kết									
1	Cty CP VTNN II Đà Nẵng	31.102	38,22	88.375	44.043		57.272		735.670	200
2	Cty CP XNK VTNN III	233.772	6,00	607.761	153.851		373.989		969.484	4.823
3	Cty CP XNK Vật tư nông sản và vận tải	4.435	47,82	26.438	6.514		22.003		39.133	-694
4	Cty CP XNK VTNN và nông sản	-66.086	48,00	31.964	9.634		98.051	80.938	127.740	77.521
5	Cty CP Vật tư nông sản	176.704	7,42						5.500.000	15.000
6	Cty CP PTNN GFS Việt Nam	110.000	26,00							

Ghi chú:

1. Đối với Công ty CP VTNN I Hải Phòng: Năm 2015, theo Báo cáo của Người đại diện vốn trong số nợ phải thu trên, có những khoản nợ đã lâu là: 43.734 triệu đồng, khách hàng nợ có cam kết tài sản đảm bảo.

2. Đối với Công ty CP XNK Vật tư nông nghiệp & nông sản: Năm 2015, Công ty chưa nộp Báo cáo kiểm toán, tuy nhiên, qua số liệu sơ bộ do Kế toán trưởng Công ty cung cấp, Công ty kinh doanh thua lỗ trên 77 tỷ đồng, nợ quá hạn Ngân hàng trên 80 tỷ đồng nên vốn chủ sở hữu bị âm.

3. Đối với Công ty CP VT Nông sản: Do vốn góp nhà nước tại Công ty chiếm tỷ lệ rất thấp, nên Công ty không cung cấp số liệu Báo cáo tài chính. (Vốn 176.704 triệu đồng trên là vốn điều lệ)

4. Đối với Công ty GFS: Năm 2015, Công đang trong quá trình đầu tư cơ sở hạ tầng, lắp đặt thiết bị máy móc, chưa có sản phẩm bán ra, nên chưa phát sinh doanh thu.

BẢNG KÊ VỐN ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH TRẢ CỔ TỨC CÁC NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Đơn vị	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư TCT	Tỷ lệ vốn góp của TCT	Phát sinh tỷ lệ vốn góp		Cổ tức		
					Tăng (%)	Giảm (%)	2013	2014	2015
I	Đầu tư vào công ty con								
1	Công ty CP VTNN I Hải Phòng	26.241	14.958	57,00%	0	0	1.495	2.243	1.495
2	Công ty CP ĐTXD& TM Tín Phát	5.249	4.000	76,19%	0	0	0	0	0
II	Đầu tư vào công ty liên kết								
1	Công ty CP VTNN II Đà Nẵng	27.140	10.372	38,22%	0	10,08	818	1.037	1.037
2	Công ty CP VTNN III	219.202	13.153	6,00%	0	0	139	74	0
3	Công ty CP Vật tư nông sản	176.704	13.060	7,42%	0	0	0	1.306	
4	Công ty CP XNK VTNN & Nông sản	10.110	4.853	48,00%	0	0	0	0	0
5	Công ty CP XNK VTNS & Vận tải	5.200	2.487	47,82%	0	0	0	0	9.000
6	Cty CP PTNN GFS Việt Nam	110.000	28.600	26,00%					
	Tổng cộng		91.483		0	0	2.452	4.660	11.532

Ghi chú: Riêng Công ty CP Vật tư nông sản, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, Công ty CP Vật tư nông sản sẽ chia cổ tức 10% trong đó 5% tiền mặt và 5% bằng cổ phiếu. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2015, Công ty chưa chia 5% cổ tức bằng cổ phiếu.

8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

8.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

8.1.1. Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

+ Doanh thu thuần Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hoạt động	2012		2013		2014		2015	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Phân bón	75.662	59,87%	34.163	38,94%	52.344	47,78%	99.454	45,38%
2	Chè xuất khẩu	23.807	18,84%	15.436	17,60%	31.796	29,02%	69.951	31,92%
3	Cho thuê văn phòng, kho bãi	3.925	3,11%	6.412	7,31%	12.311	11,24%	13.542	6,18%
4	KD khác (LAS, đầu tư xây dựng...)	22.982	18,19%	31.711	36,15%	13.098	11,96%	36.232	16,53%
	Tổng cộng	126.376	100%	87.722	100%	109.549	100%	219.179	100%

Nguồn: Tổng công ty

+ Doanh thu thuần hợp nhất (*)

Đơn vị tính: đồng

STT	Hoạt động	2014		2015	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Tổng công ty Vật tư nông nghiệp - Công ty TNHH MTV	109.452.219.126	21,29%	219.135.412.927	42,10%
2	CTCP Vật tư nông nghiệp I Hải Phòng	396.412.723.240	77,11%	289.827.741.704	55,68%
3	CTCP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tín Phát	8.254.697.397	1,61%	11.548.906.665	2,22%
	Tổng cộng	514.119.639.763	100%	520.512.061.296	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014, 2015 của Tổng Công ty

(*) Tổng công ty không lập báo cáo hợp nhất năm 2012 và năm 2013

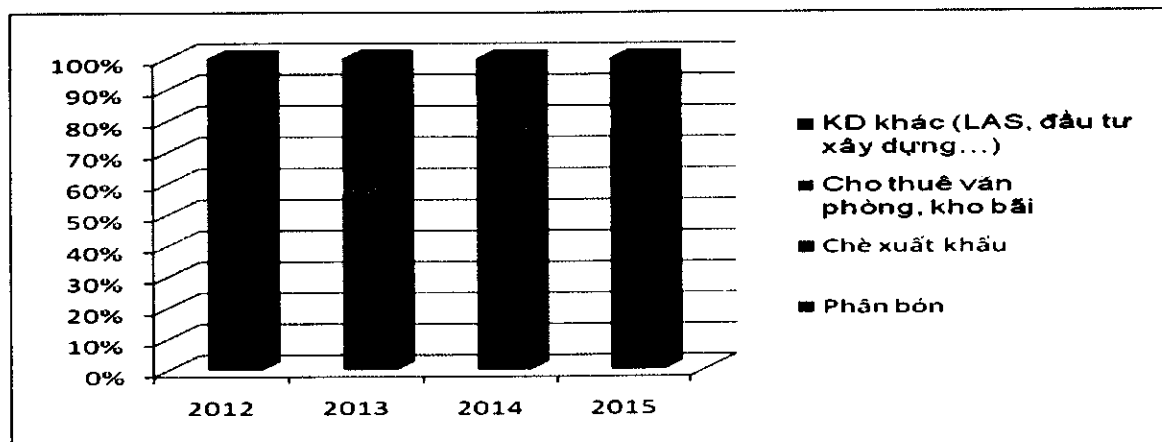
Doanh thu qua các năm của Tổng công ty có xu hướng giảm, đặc biệt là năm 2013. Nguyên nhân là do trong các năm này, hoạt động tiêu thụ mặt hàng phân bón và chè xuất khẩu gặp nhiều khó khăn dưới ảnh hưởng suy thoái của kinh tế trong nước và thế giới.

Thị trường phân bón năm 2013 gặp nhiều khó khăn: giá phân bón quốc tế biến động thất thường, càng về những tháng cuối năm giá càng giảm sâu, có những mặt hàng giảm từ 30-40% so với đầu năm; kinh doanh phân bón trong nước cũng không mấy khả quan do giá phân bón trong nước bị ảnh hưởng rất lớn từ lượng phân nhập khẩu từ Trung Quốc về Việt Nam qua đường tiểu ngạch và chính ngạch; nạn hàng giả, hàng nhái nhân mức đối với một số sản phẩm, thương hiệu có uy tín đã gây lúng đoạn thị trường và làm giảm lòng tin của người tiêu dùng đối với các doanh nghiệp kinh doanh phân bón. Trong nước, một số doanh nghiệp sản xuất phân bón như Đạm Ninh Bình, DAP Đình Vũ, Đạm Cà Mau,... hàng năm đều gia tăng sản lượng và tự xây dựng mạng lưới tiêu thụ riêng của mình nên việc triển khai tiêu thụ phân bón của Tổng công ty nhập khẩu về rất chậm, hàng hóa ứ đọng kho lâu ảnh hưởng trực tiếp hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Trong năm 2015, tình hình tiêu thụ phân bón được cải thiện đáng kể, hoạt động xuất khẩu chè cũng tăng mạnh, doanh thu từ các hoạt động khác cũng tăng trưởng mạnh dẫn đến doanh thu năm 2015 tăng vọt so với năm 2014 và đạt mức 219 tỷ đồng tại Công ty mẹ.

Về số liệu hợp nhất, doanh thu từ CTCP Vật tư nông nghiệp I Hải Phòng chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu hợp nhất trong những năm qua. Trong năm 2015, doanh thu từ công ty này sụt giảm khá mạnh nhưng nhờ hoạt động hiệu quả từ Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp, doanh thu hợp nhất năm 2015 tăng trưởng nhẹ, đạt mức trên 520 tỷ đồng.

Biểu đồ cơ cấu doanh thu thuần của các mảng hoạt động



Phân bón là mặt hàng kinh doanh chính và chủ lực của Tổng công ty, chiếm tỷ trọng bình quân khoảng 50% trong cơ cấu tổng doanh thu hàng năm. Chè xuất khẩu chiếm tỷ trọng gần 30% trong cơ cấu doanh thu và có xu hướng tăng lên qua các năm. Đây là ngành hàng kinh doanh có tiềm năng và ổn định lâu dài nên ngay từ những tháng đầu năm 2014, Tổng công ty đã chủ động đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng thị trường hàng hóa mua vào bán ra. Kết quả kinh doanh xuất khẩu chè năm 2014 và 2015 về sản lượng, doanh thu và hiệu quả đều đạt và vượt mức đề ra.

+ Lợi nhuận gộp Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		2014		2015	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Phân bón	4.916	3,89%	3.266	3,72%	1.633	1,49%	396	0,18%
Chè xuất khẩu	4.046	3,20%	1.350	1,54%	1.763	1,61%	427	0,20%
Cho thuê văn phòng, kho bãi	3.925	3,11%	6.412	7,31%	7.629	6,96%	1.850	0,84%
KD khác (LAS, đầu tư xây dựng...)	3.095	2,45%	27.022	30,80%	9.854	9,00%	2.389	1,09%
Tổng cộng	15.982	12,65%	38.050	43,38%	20.879	19,06%	5.063	2,31%

Nguồn: Tổng công ty

Lợi nhuận gộp có xu hướng giảm xuống trong giai đoạn từ năm 2013 đến nay và đặc biệt giảm mạnh trong năm 2015. Biên lợi nhuận gộp trong năm 2015 chỉ đạt mức rất thấp 2,31% cho thấy các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty có hiệu quả thấp.

+ Lợi nhuận gộp hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hoạt động	2014		2015	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Tổng công ty Vật tư nông nghiệp	20.879.121.958	49,23	5.062.788.286	23,08
2	CTCP Vật tư NNI Hải Phòng	21.206.293.421	50,00	16.758.113.133	76,39
3	CTCP Đầu tư XD và TM Tín Phát	324.396.248	0,77	115.708.637	0,53
	Tổng cộng	42.409.811.627	100	21.936.610.056	100

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014, 2015 của Tổng Công ty

+ Doanh thu và lợi nhuận gộp Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Doanh thu	126.376.380.019	87.721.786.653	109.548.645.734	219.178.742.938
Lợi nhuận gộp	15.982.006.981	38.049.558.656	20.879.121.958	5.062.788.286
Tỷ lệ lợi nhuận gộp/DTT (%)	12,65%	43,38%	19,06%	2,31%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012 – 2015 của Tổng Công ty

+ *Doanh thu và lợi nhuận gộp hợp nhất*

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Doanh thu	514.119.639.763	520.512.061.296
Lợi nhuận gộp	42.409.811.627	21.936.610.056
Tỷ lệ lợi nhuận gộp/DTT (%)	8,25%	4,21%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014, 2015 của Tổng Công ty

8.1.2. Nguồn cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào- *Nguồn cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu:*

Tổng công ty đã và đang tìm kiếm các nguồn cung cấp đa dạng nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu kinh doanh. Tổng công ty thường hợp tác với các nhà cung cấp uy tín và là đối tác truyền thống của Tổng công ty.

Tổng công ty đang đẩy mạnh việc tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp trong nước có đủ khả năng cung cấp hàng hóa đáp ứng tốt các yêu cầu chất lượng, tiến độ với giá cả hợp lý, cạnh tranh.

Đối với những chủng loại hàng hóa có yêu cầu bắt buộc về xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng mà trong nước chưa đáp ứng được, phải nhập khẩu trực tiếp, Tổng công ty lựa chọn các công ty, tập đoàn nước ngoài có năng lực, uy tín trên cơ sở giá cả hợp lý, cạnh tranh.

- *Sự ổn định của các nguồn cung ứng hàng hóa, nguyên vật liệu:*

Do giá hàng hóa đầu vào vận hành theo giá cả thị trường nên Tổng công ty luôn phải đối mặt với tính không ổn định, khó dự tính trước của giá cả. Phân bón là mặt hàng kinh doanh chính và chủ lực của Tổng công ty nhưng giá cả lên xuống thất thường không theo quy luật của thị trường, hàng nhập khẩu về tiêu thụ chậm, tồn kho lâu khiến đã đẩy chi phí, giá thành lên cao ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Năm 2014, Tổng công ty không thực hiện nhập khẩu phân bón do việc nhập khẩu có nhiều rủi ro, giá phân bón nhập khẩu có thời điểm còn cao hơn giá trong nước nên Tổng công ty không chú trọng việc kinh doanh nhập khẩu cho tiêu thụ nội địa mà chỉ tập trung kinh doanh một số mặt hàng như Kali, Ure, DAP với các đối tác truyền thống và có uy tín trong nước.

- *Các nhà cung cấp vật tư, thiết bị chủ yếu của Tổng công ty:*

STT	Tên nhà cung cấp	Loại nguyên vật liệu cung cấp
1	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Hà Anh	Urea Ninh Bình
2	Công ty Cổ phần VINACAM	DAP Korea
3	Công ty TNHH TM DV Nam Thịnh Hưng	Urea Ninh Bình
4	Công ty Cổ phần vật tư Nông nghiệp I Hải Phòng	Kali CIS, DAP

STT	Tên nhà cung cấp	Loại nguyên vật liệu cung cấp
5	Công ty TNHH TM DV Toàn Nghĩa	Urea Ninh Bình
6	Công ty TNHH Toàn Phát	Đường RS
7	Công ty TNHH TM& CN TITAN	Dầu Hương Dương
8	Công ty FLOW CONTROL LTD Hong Kong	Amonium Sulfate
9	Công ty 5 – Continent Phosphorus Co..Ltd	Calcium Boron
10	Công ty NINGBO CETUS ELECTRIC APPLIANCE CO..LTD	Máy nước nóng lạnh
11	Công ty XNK Việt Đức VINA	Urea Ninh Bình
12	Công ty TNHH TM DV XNK Tường Nguyên	Urea Ninh Bình
13	Công ty TNHH ĐT & TM Phương Thảo	DAP 16-44 Đình Vũ
14	Công ty TNHH TM-DV vận tải Hồng Vân	Urea Cà Mau
15	Công ty TNHH TM Nông sản Nam Sơn	Urea Trung Quốc
16	Công ty Cổ phần XNK & ĐT PT Nguyễn Kim	DAP Đình Vũ
17	Chi Nhánh Công ty TNHH MTV 16	Cao su tự nhiên SVR3L
18	Công ty TNHH chè Thành Vinh	Chè xanh
19	Công ty TNHH chè Shan Trúc Thanh	Chè xanh
20	Doanh nghiệp tư nhân chè Hoàng Lâm	Chè xanh
21	Công ty cổ phần Trà Than Uyên	Chè xanh
22	Công ty cổ phần nhựa Bắc Giang	Bao PP tráng giấy Krap (phục vụ đóng gói chè xuất khẩu)
23	Công ty TNHH Trà Long Dương	Bao BE (phục vụ đóng gói chè xuất khẩu)
24	Công ty TNHH bao bì Minh Hoàng	Bao PP in mark (phục vụ đóng gói chè xuất khẩu)

Nguồn: Tổng công ty

8.1.3. Chi phí sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

+ Chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi phí	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn	110.394	87,35%	49.672	56,62%	88.670	80,94%	214.116	97,69%
2	Chi phí tài chính	9.397	7,44%	5.983	6,82%	2.520	2,30%	41.094	18,75%

TT	Chi phí	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
3	Chi phí bán hàng	4.154	3,29%	15.145	17,26%	17.777	16,23%	38.614	17,62%
4	Chi phí QLDN	-2.025	-1,60%	16.671	19,00%	5.748	5,25%	11.883	5,42%
Tổng		121.920	96,47%	87.470	99,71%	114.714	104,72%	305.708	139,48%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012 – 2015 của Tổng Công ty

+ Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất

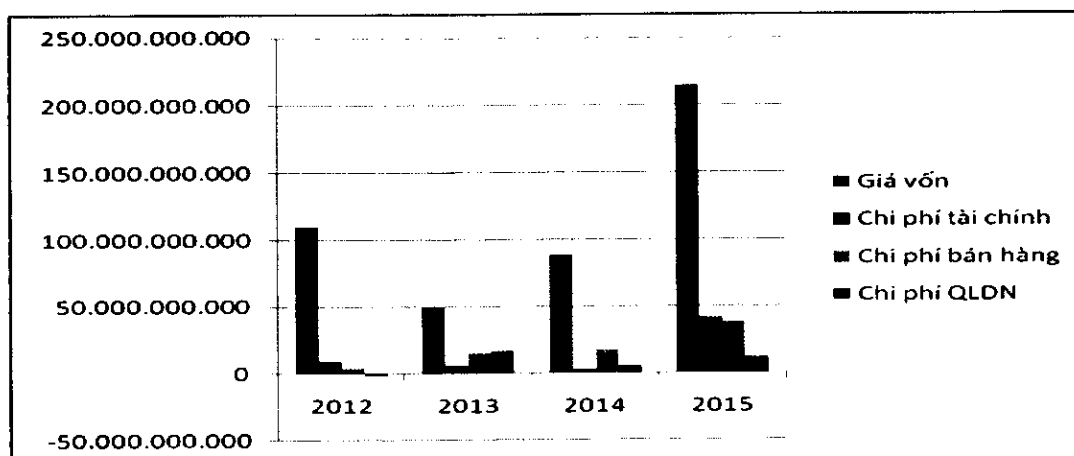
Đơn vị tính: đồng

TT	Chi phí	Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn	471.669.828.136	91,75%	498.575.451.240	95,79%
2	Chi phí tài chính	6.231.238.869	1,21%	43.877.498.158	8,43%
3	Chi phí bán hàng	31.485.540.123	6,12%	50.181.193.259	9,64%
4	Chi phí QLDN	7.451.324.416	1,45%	13.641.603.258	2,62%
Tổng		516.837.931.544	100,54%	606.275.745.915	116,48%

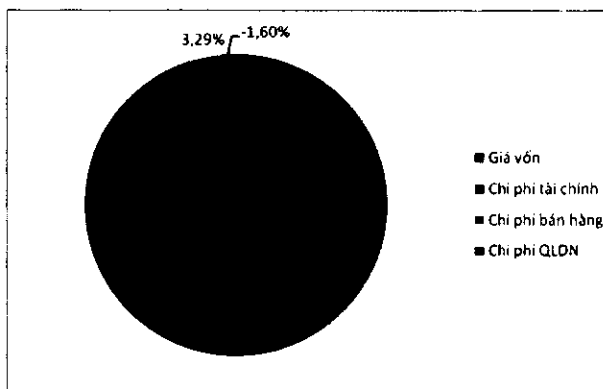
Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014, 2015 của Tổng Công ty

Giá vốn là chi phí kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty, chiếm khoảng 75% doanh thu qua các năm. Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong cơ cấu chi phí kinh doanh của Tổng công ty và chiếm bình quân 12,26% doanh thu qua các năm. Chi phí quản lý doanh nghiệp trong những năm gần đây giữ ổn định ở mức tỷ trọng 5% - 6% trên doanh thu thuần. Chi phí tài chính giai đoạn từ năm 2014 trở về trước chiếm tỷ trọng khá thấp, tuy nhiên con số này tăng vọt trong năm 2015 (trên 18%) do chi phí lãi vay của Tổng công ty phát sinh trong năm khá lớn. Nhìn chung chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty khá lớn, luôn chiếm trên 95% doanh thu của các năm.

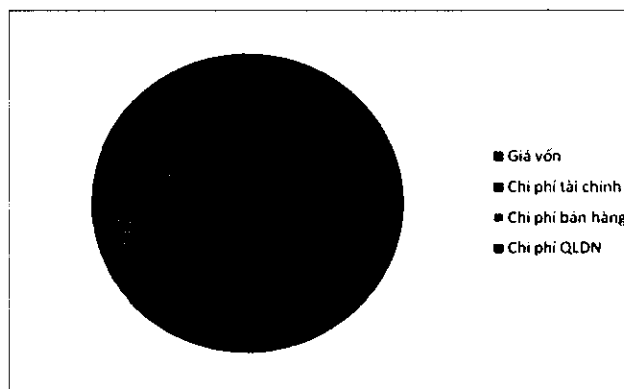
Chi phí sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 – 2015



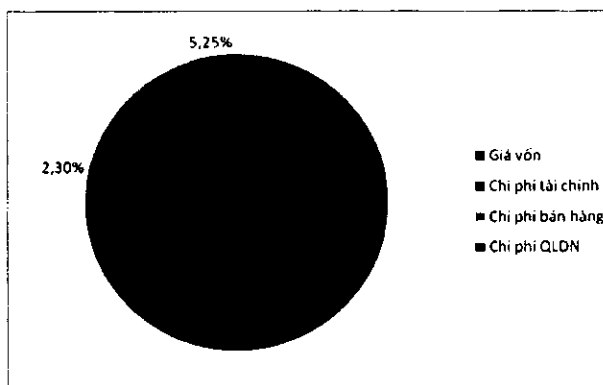
Cơ cấu chi phí năm 2012



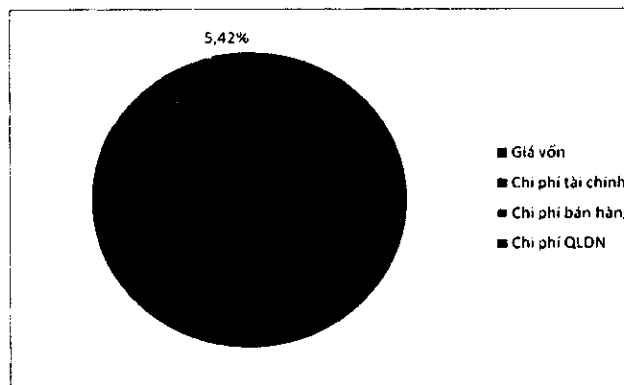
Cơ cấu chi phí năm 2013



Cơ cấu chi phí năm 2014



Cơ cấu chi phí năm 2015



8.1.4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Tổng công ty là đơn vị kinh doanh thương mại thuần túy, do đó không có quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

8.1.5. Hoạt động Marketing

❖ Các hình thức quảng cáo mà Tổng công ty đã và đang áp dụng:

Tổng công ty dùng website <http://www.vigecam.vn> để thiết lập sự hiện diện của mình trên internet và tạo ra nguồn thông tin sẵn có cho những đối tượng quan tâm tới Tổng công ty.

❖ Các chính sách của Tổng công ty đối với công tác marketing:

Tổng công ty không quảng cáo rầm rộ, tuy nhiên Tổng công ty tạo dựng uy tín và thương hiệu bằng chất lượng sản phẩm, duy trì mối quan hệ bền vững dựa trên sự gắn bó và tin tưởng lẫn nhau đối với các khách hàng truyền thống, tăng cường tiếp xúc và gây dựng sự tin nhiệm với các khách hàng mới. Chính sách này áp dụng với khách hàng cả trong và ngoài nước.

8.1.6. Trình độ công nghệ

Tổng công ty là doanh nghiệp kinh doanh thương mại và dịch vụ, không tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm.

8.1.7. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới:

Hiện nay và trong tương lai, Tổng công ty hướng tới phát triển các sản phẩm cao cấp hơn như:

- + Tìm kiếm nguồn cung chè mới, chất lượng cao cấp hơn, bao bì đóng gói đẹp hơn để đáp ứng được các thị trường khó tính như châu Âu, Mỹ...
- + Phát triển các sản phẩm phân bón hữu cơ có tính năng an toàn hơn cho cây trồng và con người.

8.1.8. Logo, nhãn hiệu thương mại:

Nhãn hiệu đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 42132 ngày 17/07/2002, cấp lại lần thứ 01 ngày 21/04/2010. Nhãn hiệu có màu xanh, trắng. Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng hình địa cầu, hình bản đồ Việt Nam và bông lúa.

8.1.9. Các hợp đồng đã và đang ký kết:

STT	Tên hợp đồng	Trị giá (VNĐ)	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Sản phẩm dịch vụ	Đối tác ký hợp đồng
I	Phòng KD1				
*	Đầu vào				
1	HĐTM số 2/2016/HĐTM	10.600.000.000	Hết 31/12/2016	Chè xanh lẫn thành phẩm	Công ty cổ phần Trà Than Uyên
2	HĐ nguyên tắc 02/HĐ/VTNN-CV	10.022.400.000	Hết 31/12/2016	Chè xanh	Công ty cổ phần chè Chiềng Ve - Mộc Châu
3	HĐ 08/VTNN-TV	3.128.160.000	Hết 31/12/2016	Chè xanh	Công ty TNHH chè Thành Vinh
4	HĐ 12/VTNN-NSX	2.685.375.000	Hết 31/12/2016	Chè xanh	Công ty TNHH chè Thành Vinh
5	HĐ 39/VTNN-NSX	1.086.050.000	Hết 30/06/2016	Chè xanh	Công ty TNHH một thành viên Nguồn Sao Xanh
*	Đầu ra				
1	HĐ số 41/VGC- ZAL	1.095.822.000	Hết 30/06/2016	Chè xanh lẫn thành phẩm	Zahir Amin ltd
2	HĐ số 44/VGC- OHL	1.095.822.000	Hết 30/06/2016	Chè xanh lẫn thành phẩm	Obaid Hassan ltd
3	HĐ số 45/VGC- ZAL	1.095.822.000	Hết 30/07/2016	Chè xanh lẫn thành phẩm	Zahir Amin ltd

STT	Tên hợp đồng	Trị giá (VNĐ)	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Sản phẩm dịch vụ	Đối tác ký hợp đồng
4	HĐ số 46/VGC- OHL	1.095.822.000	Hết 30/07/2016	Chè xanh lẫn thành phẩm	Obaid Hassan ltd
5	HĐ số 47/VGC- OHL	1.095.822.000	Hết 30/07/2016	Chè xanh lẫn thành phẩm	Obaid Hassan ltd
6	HĐ số 16/VGC- OHL	5.902.531.000	Hết 31/12/2016	Chè xanh	Obaid Hassan ltd
7	HĐ số 09/VGC- ZAL	3.343.662.000	Hết 31/12/2016	Chè xanh	Zahir Amin ltd
8	HĐ số 13/VGC- ZAL	3.283.953.750	Hết 31/12/2016	Chè xanh	Zahir Amin ltd
9	HĐ số 40/VGC- MBL	1.158.886.400	Hết 30/06/2016	Chè xanh	Modasir Amin ltd
II	Phòng KD2				
*	Đầu vào				
1	KM-EMATE 01	224,975 USD	Hết tháng 05/2016	Phụ kiện máy làm nóng lạnh nước uống	Công ty TNHH Shanghai Emate Industrial
2	KM-BIYUAN 01	81,600 USD	Hết tháng 05/2016	Phụ kiện máy làm nóng lạnh nước uống	Công ty TNHH Shanghai Biyuan Industry
3	TCL 01-2015	50.940 USD	Hết tháng 06/2016	Máy làm nóng lạnh nước uống	Công ty TNHH TCL household appliances (Zhongshan)
4	23/2016/HĐKT	20.504.250.000 VNĐ	Hết 30/12/2016	Hạt điều W320,W240	Công ty CPTM A&T
*	Đầu ra				
1	03/HĐKT/GTH-TCT	14.550.000.000	Hết 30/12/2016	Đường kính RS	Công ty TNHH MTV TM Gia Thái Hòa
2	01/HĐKT/2016/VIG-HT	7.202.465.600	Hết 30/12/2016	Dầu hương dương Nga	Công ty TNHH TM Hà Thành
3	01/HĐKT/2016/VIG-TVM	5.710.876.600	Hết 15/9/2016	Phụ kiện máy làm nóng lạnh nước uống nhập khẩu	Công ty TNHH TM&ĐT Tân Việt Mỹ

STT	Tên hợp đồng	Trị giá (VNĐ)	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Sản phẩm dịch vụ	Đối tác ký hợp đồng
4	02/HĐKT/2016/VIG-TVM	2.071.388.000	Hết 17/8/2016	Phụ kiện máy làm nóng lạnh nước uống nhập khẩu	Công ty TNHH TM&ĐT Tân Việt Mỹ
5	03/HĐKT/2016/VIG-TVM	1.322.597.100	Hết 30/8/2016	Máy làm nóng lạnh nước uống nhập khẩu	Công ty TNHH TM&ĐT Tân Việt Mỹ

Nguồn: Tổng công ty

8.2. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

+ Công nợ phải thu Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Phải thu của khách hàng	100.684.630.181	88.696.023.348	86.783.179.446	26.596.632.646
Trả trước cho người bán	81.382.969.179	81.482.610.780	86.522.378.987	64.648.989.414
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	10.362.422.413	0
Các khoản phải thu khác	51.692.220.420	49.321.635.336	49.559.758.258	23.565.508.574
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	0	(5.972.238.868)	-	0
Tổng cộng	233.759.819.780	213.528.030.596	233.227.739.104	114.811.130.634

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2012 – 2015 đã kiểm toán, Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp.

(Tại thời điểm 31/12/2015 công nợ phải thu quá hạn :87.350.036.675 đồng)

+ Công nợ phải thu hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Phải thu của khách hàng	131.695.889.593	72.400.390.271
Trả trước cho người bán	90.479.989.110	64.729.858.444
Phải thu nội bộ ngắn hạn	0	0
Các khoản phải thu khác	49.609.328.515	2.016.144.212
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(2.800.877.122)	(2.800.877.122)
Tổng cộng	268.984.330.096	136.345.515.805

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014 – 2015 đã kiểm toán

+ Công nợ phải trả Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Nợ ngắn hạn	216.412.499.651	162.587.903.461	192.432.367.860	204.004.057.472
Vay và nợ ngắn hạn	42.299.850.330	14.185.600.000	49.050.531.011	121.730.165.582
Phải trả cho người bán	21.618.720.596	13.777.551.691	5.806.738.728	6.471.489.301
Người mua trả tiền trước	78.965.494.046	58.339.183.987	48.060.026.990	32.086.789.450
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	581.104	531.918.116	430.346.882	1.046.797.640
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.277.417.880	10.907.966.365	12.707.972.535	15.674.808.237
Phải trả người lao động	3.694.208.206	2.673.285.738	4.705.391.830	4.790.675.190
Chi phí phải trả	6.793.288.245	9.019.379.033	10.833.872.997	555.282.880
Phải trả nội bộ	-	30.651.961	10.427.021.413	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	54.762.939.244	53.122.366.570	50.410.465.474	21.648.049.192
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-
Nợ dài hạn	1.795.006.000	1.965.836.000	1.939.964.775	33.012.290.426
Vay và nợ dài hạn				
Phải trả hạn người bán				
Phải trả dài hạn khác	1.795.006.000	1.965.836.000	1.939.964.775	33.012.290.426
Dự phòng trợ cấp mất việc làm				
Doanh thu chưa thực hiện				
Tổng cộng	218.207.505.651	164.553.739.461	194.372.332.635	237.016.347.898

Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012 – 2015 của Tổng công ty

Ghi chú: (Tại thời điểm 31/12/2015 công nợ phải trả quá hạn: 76.512.871.703 đồng)

+ Công nợ phải trả hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Nợ ngắn hạn	235.326.114.735	247.555.424.479

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Vay và nợ ngắn hạn	96.479.382.008	161.373.350.527
Phải trả cho người bán	6.615.446.743	7.362.607.802
Người mua trả tiền trước	48.353.208.653	32.118.169.450
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	270.856.904	1.032.390.973
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14.788.734.033	17.177.339.760
Phải trả người lao động	4.705.391.830	4.929.675.190
Chi phí phải trả	13.084.895.167	605.282.880
Phải trả nội bộ	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.028.199.397	22.956.607.897
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
Nợ dài hạn	1.939.964.775	35.716.794.036
Vay và nợ dài hạn		
Phải trả hạn người bán		
Phải trả dài hạn khác	1.939.964.775	33.012.290.426
Dự phòng trợ cấp mất việc làm		
Doanh thu chưa thực hiện		
Chi phí phải trả dài hạn	-	2.704.503.610
Tổng cộng	237.266.079.510	283.272.218.515

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014, 2015 của Tổng công ty

+ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2015
1	Tổng tài sản	triệu đồng	444.781	389.479	420.980	355.533
2	Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	triệu đồng	226.574	224.926	226.608	118.517
3	Vay và nợ ngắn hạn	triệu đồng	42.300	14.186	49.051	121.730
4	Vay và nợ dài hạn	triệu đồng	0	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2015
5	Doanh thu	triệu đồng	126.376	87.722	109.549	219.179
6	Chi phí	triệu đồng	125.839	93.325	115.340	314.509
7	Số lao động bình quân	Người	68	60	64	64
8	Thu nhập bình quân	vnd/người/tháng	7.100.000	7.943.000	7.819.010	8.104.166
9	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	11.567	1.368	2.131	-57.821
10	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	10.033	423	2.120	-57.821
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	5,5	0,23	1,14	(48,79)

Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012 – 2015 của Tổng công ty

+ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1	Tổng tài sản	đồng	475.398.057.674	412.109.753.500
2	Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	đồng	229.355.561.519	128.837.534.985
3	Vay và nợ ngắn hạn	đồng	96.479.382.008	161.373.350.527
4	Vay và nợ dài hạn	đồng	-	-
5	Doanh thu	đồng	514.119.639.763	520.512.061.296
6	Chi phí	đồng	518.529.939.605	615.704.928.702
7	Lợi nhuận trước thuế	đồng	7.147.280.994	(54.958.843.901)
8	Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.679.766.705	(55.831.007.910)
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	2,48	(43,33)

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014, 2015 của Tổng công ty

+ **Các chỉ tiêu tài chính năm 2013 – 2015**

Chỉ tiêu	2013	2014	2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

Chỉ tiêu	2013	2014	2015
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,39	1,39	0,84
Hệ số thanh toán nhanh	1,35	1,25	0,60
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,42	0,46	0,67
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,73	0,86	2,00
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	0,21	0,27	0,62
Vòng quay TSCĐ	1,02	1,47	4,39
Vòng quay vốn lưu động	0,34	0,44	1,04
Vòng quay các khoản phải thu	0,39	0,49	1,42
Vòng quay các khoản phải trả	4,87	6,97	19,24
Vòng quay hàng tồn kho	2,04	5,44	5,7
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LN sau thuế/DT thuần	0,48%	1,94%	-26,38%
Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,19%	0,94%	-48,79%
Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,11%	0,50%	-16,26%
Hệ số LN từ hoạt động SXKD/DT thuần	5,06%	0,92%	-37,49%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2014, 2015 của Tổng công ty

8.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

- Đảng ủy, Hội đồng thành viên, Ban lãnh đạo Tổng công ty đã có nhiều cố gắng, quyết đoán trong công tác sản xuất kinh doanh, thường xuyên nắm bắt và xử lý thông tin kịp thời phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tại các cuộc họp giao ban hàng tuần, hàng tháng.
- Nội bộ Tổng công ty đoàn kết thống nhất, cán bộ công nhân viên có tinh thần trách nhiệm trong công việc chuyên môn cũng như trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đội ngũ cán bộ

công nhân viên của Tổng công ty đa số là lực lượng trẻ và được đào tạo bài bản; nếu được sử dụng đúng chuyên môn sẽ là động lực chính để Tổng công ty phát triển một cách bền vững.

- Cùng với sự cố gắng của Ban lãnh đạo, của tập thể cán bộ công nhân viên. Tổng công ty còn thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính cùng với sự giúp đỡ phối hợp của các đơn vị trong và ngoài ngành, sự tin cậy hợp tác gắn bó của các bạn hàng trong và ngoài nước trong công tác xây dựng và phát triển Tổng công ty.
- Hoạt động xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Tổng công ty nhận được nhiều chính sách ưu đãi của Chính phủ.
- Tổng công ty là doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm và có uy tín trong lĩnh vực kinh doanh vật tư nông nghiệp. Tổng công ty đã xây dựng được hệ thống mạng lưới khách hàng rộng ở cả trong và ngoài nước. Tổng công ty đã tạo dựng được mối quan hệ tốt với các bạn hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực xuất khẩu mặt hàng chè, các khách hàng luôn tin cậy vào chất lượng sản phẩm và cam kết gắn bó lâu dài với Tổng công ty.
- Tổng công ty có điều kiện tốt về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật. Hiện nay, Tổng công ty có vốn góp tại nhiều doanh nghiệp có trụ sở chính và kho tàng ở các đầu mối, cảng biển, vị trí then chốt ở khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam. Cơ sở hạ tầng dồi dào nếu được sử dụng và phát huy tốt sẽ là động lực thúc đẩy ngành nghề chính của Tổng công ty phát triển hơn nữa.

❖ **Khó khăn:**

Trong những năm qua, các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nhập khẩu và kinh doanh phân bón nội địa nói chung và Tổng công ty Vật tư nông nghiệp nói riêng đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, cụ thể:

- Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty không tập trung, chưa có ngành nghề kinh doanh chủ lực để mang lại lợi nhuận hàng năm.
- Hoạt động kinh doanh phân bón gặp nhiều khó khăn do giá cả phân bón lên xuống thất thường không theo quy luật của thị trường, hàng nhập khẩu về tiêu thụ chậm, tồn kho lâu đã đẩy chi phí, giá thành lên cao, kinh doanh tiềm ẩn nhiều rủi ro và không có hiệu quả.
- Việc cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi cũng gặp nhiều khó khăn. Do nhu cầu thuê và giá thuê có chiều hướng giảm mạnh, trong khi giá thuê đất nhà nước điều chỉnh từ năm 2013 lại tăng trên 3 lần so với những năm trước dẫn đến hiệu quả kinh doanh thấp.
- Việc tiếp cận được nguồn vốn vay của các Ngân hàng thương mại để thực hiện các hợp đồng kinh doanh của Tổng công ty trong giai đoạn này gặp nhiều khó khăn, hạn mức tín dụng thấp, chưa đáp ứng được nguồn vốn kinh doanh của Tổng công ty.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Tổng công ty tuy trẻ, năng động nhưng thiếu kinh nghiệm và kiến thức kinh doanh mặt hàng phân bón và nông sản.
- Tổng công ty phải giải quyết những tồn tại về tài chính bao gồm nhiều khoản công nợ phải trả có giá trị lớn và nhiều khoản công nợ phải thu lớn, kéo dài và khó thu hồi. Ngoài ra,

trong năm 2014 Tổng công ty còn phải tập trung nhiều thời gian và nguồn lực vào việc thu hồi công nợ; xử lý những tồn tại về tài sản, tài chính nhằm chuẩn bị cho việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ Tổng công ty trong năm 2015.

- Cơ sở nhà, đất của Tổng công ty tại 16 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội chưa được ký lại hợp đồng thuê đất và việc phân bổ diện tích đất sử dụng giữa Tổng công ty và Công ty CP Phát triển nông nghiệp Hà Nội chưa có quyết định cuối cùng của UBND thành phố Hà Nội

Tổng công ty Vật tư nông nghiệp đã có Văn bản số 103/VTNN-ĐTXD ngày 19/4/2016 gửi UBND thành phố Hà Nội đề nghị cung cấp căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện theo phương án phân bổ của Liên ngành; việc phân bổ diện tích sử dụng chung không hoạch định sẽ gây ra tranh chấp, khiếu kiện giữa các bên khi thanh lý mua nhà và ký hợp đồng thuê đất trực tiếp với Sở Tài nguyên và môi trường sau này và đề nghị UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành liên quan xem xét vấn đề này một cách khách quan, đảm bảo quyền lợi cho Tổng công ty. Đến nay, UBND Thành phố Hà Nội chưa có văn bản phê duyệt và Công ty Quản lý & Phát triển nhà Hà Nội chưa ký tiếp hợp đồng với Tổng công ty.

- Dự án Khu vui chơi giải trí Đống Đa chưa giải toả hết các hộ dân lấn chiếm. Trước đây, Tổng công ty có thoả thuận với Quận Đống Đa dành 7.000 m² trong khuôn viên Dự án để xây dựng Nhà văn hoá Quận nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hiện nay, Quận Đống Đa vẫn đang quản lý 7.000 m² đất thuộc Dự án. Số tiền thuê đất còn nợ của Dự án đến ngày 30/4/2016 theo thông báo số 37706/TB-CT-KTT5 ngày 07/6/2016 của Cục thuế thành phố Hà Nội: 14.434.506.044 đồng (Trong đó: Tiền thuê đất: 8.971.718.736 đồng; Tiền chậm nộp: 5.443.664.828 đồng, số tiền này và các chi phí phát sinh khác sẽ được hạch toán vào chi phí xây dựng dở dang của Dự án).
- Cơ sở nhà đất tại 120 Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội gần hết hạn thuê đất (tháng 2/2018).

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là kinh doanh vật tư nông nghiệp, trong đó kinh doanh phân bón hoá học phục vụ sản xuất nông nghiệp là chủ lực. Trải qua hơn 50 năm hoạt động và phát triển, Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp luôn là doanh nghiệp có uy tín trên thị trường. Tổng công ty Vật tư nông nghiệp luôn luôn giữ vai trò là một đơn vị hậu cần lớn của sản xuất nông nghiệp cả nước. Hàng năm cung ứng một khối lượng rất lớn phân bón hóa học và các loại vật tư chuyên dùng để phục vụ sản xuất nông nghiệp theo mùa vụ, góp phần không nhỏ làm tăng sản lượng lương thực, đảm bảo ổn định đời sống của toàn dân trong thời kỳ chiến tranh cũng như trong thời bình. Đối với ngành xuất khẩu chè, theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan & Hiệp hội chè tại thời điểm 31/12/2014, năm 2014 Tổng công ty Vật tư nông nghiệp xếp thứ 58/330 Doanh nghiệp xuất khẩu chè của Việt Nam. Các khách hàng của Tổng công ty là những đối tác truyền thống.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Tình hình kinh tế trong nước năm 2016 và các năm tiếp theo được dự báo sẽ còn nhiều khó khăn do những tồn tại tích tụ và kéo dài từ nhiều năm trước. Song do nền kinh tế thế giới đang dần từng bước thoát ra suy thoái, tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp giảm, thị trường dần ổn định, nhu cầu tiêu dùng được cải thiện, giá cả các mặt hàng nông sản tăng sẽ giúp người nông dân tự tin đầu tư nhiều hơn vào sản xuất nông nghiệp và kích cầu sức mua, khi đó các doanh nghiệp kinh doanh Vật tư nông nghiệp nói chung và phân bón nói riêng sẽ có nhiều thuận lợi trong công tác sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do nền kinh tế và thị trường chưa ổn định nên việc nhập khẩu và kinh doanh phân bón trong nước dự báo sẽ còn khó khăn.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty và xu thế chung trên thị trường phân bón, vật tư, nông sản,... thể hiện bằng việc Công ty quyết tâm đầu tư mở rộng kinh doanh, phát triển nhiều kênh phân phối sản phẩm, đồng thời quyết tâm chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình mới là Công ty cổ phần. Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay với nền kinh tế thị trường, mô hình doanh nghiệp Nhà nước hoạt động hiện không còn hiệu quả, tính linh hoạt và khả năng cạnh tranh bị hạn chế. Mô hình công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp thích hợp nhất mà các nước tiên tiến nói chung và Việt Nam nói riêng đang áp dụng và phát huy các mặt tích cực của nó trong nền kinh tế. Với mô hình công ty cổ phần, Công ty sẽ huy động được các nguồn lực trong xã hội cả về vốn lẫn nhân lực của mọi tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước. Các pháp nhân, cá nhân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp giúp đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương; thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

VI. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh

- Tên Công ty : TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP – CÔNG TY CỔ PHẦN
- Tên tiếng anh : VIETNAM GENERAL CORPORATION OF AGRICULTURAL MATERIALS - JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : VIGECAM
- Trụ sở chính : Số 164 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04.37332359
- Fax : 04.37474647

• **Ngành nghề kinh doanh**

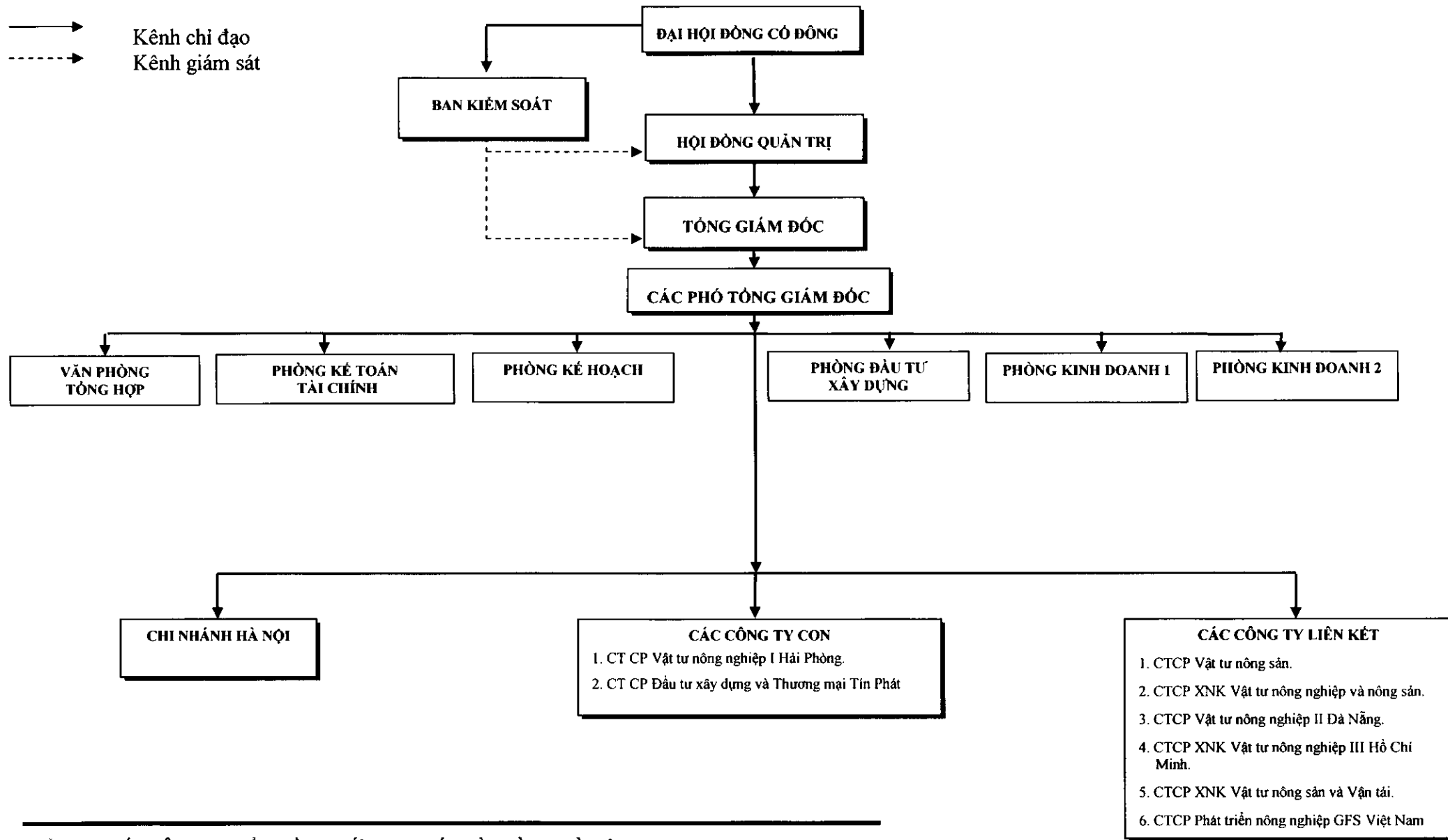
Tiếp tục kế thừa ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua bán cafe, chè Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa	4610
2	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Môi giới thương mại	7490
3	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
4	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
5	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập dự án, quản lý dự án các công trình: giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, điện (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)	7110
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị điện dùng trong mạch điện) Mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông	4659
10	Xây dựng nhà các loại	4100

STT	Tên ngành	Mã ngành
11	Phá dỡ Chi tiết: Phá dỡ công trình xây dựng	4311
12	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình: giao thông, dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	4290
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản Kinh doanh khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường) Cho thuê văn phòng, nhà ở, cửa hàng	6810
15	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ đấu giá bất động sản (Không bao gồm định giá) Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quảng cáo bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
16	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan	5210
17	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
18	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
19	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	7920
20	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị văn phòng, đồ dùng cá nhân, gia đình, thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông	3290

STT	Tên ngành	Mã ngành
21	Bán buôn, chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669
22	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán thiết bị điện tử, điện lạnh, linh kiện máy tính, thiết bị viễn thông	4652
23	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán đồ dùng cá nhân, gia đình	4649
24	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
25	Bán buôn gạo	4631
26	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
27	Vận tải hàng hóa đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng Vận tải hàng hóa	4933
28	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh Vận chuyển hành khách	4932
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
30	Bán buôn thực phẩm (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4632

2. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần



- ❖ **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Tổng công ty quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty, ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- ❖ **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý trực tiếp tại Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông.
- ❖ **Ban Kiểm soát:** do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty.
- ❖ **Ban Tổng giám đốc:** Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo điều lệ Tổng công ty.
- ❖ **Các phòng chức năng:** Công ty cổ phần có 06 phòng nghiệp vụ, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ như sau:
 - **Phòng Đầu tư Xây dựng:**
 - Chức năng:

Tham mưu, giúp việc và làm đầu mối cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ bản và quản lý các dự án
 - Nhiệm vụ:
 - ✓ Thực hiện các nhiệm vụ về chuẩn bị đầu tư đối với các dự án: Tổng công ty đầu tư 100% vốn; các dự án hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý đầu tư, xây dựng và thông lệ quốc tế
 - Khảo sát thị trường đối với sản phẩm dự kiến sản xuất, môi trường đầu tư, nơi Tổng công ty dự định xây dựng dự án;
 - Xây dựng Đề án (nghiên cứu tiền khả thi, khả thi) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - Chuẩn bị văn kiện, tài liệu, nội dung đàm phán và tham gia đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước;
 - Thực hiện các nhiệm vụ về giao nhận đất, xin cấp phép xây dựng, phối hợp với các đơn vị liên quan giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng công trình;
 - Quản lý hồ sơ dự án, thiết kế hoặc thuê thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng công trình;

- Lập hồ sơ mời thầu, trình cấp có thẩm quyền lựa chọn nhà thầu;
 - Thương thảo hợp đồng với các nhà thầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - Các công việc khác trong quá trình chuẩn bị đầu tư.
 - ✓ Quản lý, thực hiện dự án trong quá trình đầu tư theo quy định của nhà nước
 - Thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công công trình;
 - Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn vệ sinh môi trường của công trình xây dựng.
 - ✓ Nghiệm thu thanh toán, quyết toán công trình theo hợp đồng đã ký kết.
 - ✓ Theo dõi tình hình quản lý sử dụng đất đai, thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan Tổng công ty.
 - ✓ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý đầu tư xây dựng của chủ đầu tư đối với các công việc cải tạo sửa chữa, nâng cấp, bảo trì công trình hoặc hạng mục công trình của cơ quan Tổng công ty.
 - ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc giao
- **Phòng Kế toán – Tài chính:**
- Chức năng:

Tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trên các lĩnh vực: Tài chính, đầu tư tài chính, hạch toán kế toán, phân tích hoạt động kinh tế đối với các hoạt động đầu tư, sản xuất – kinh doanh của Tổng công ty; Theo dõi công nợ, tiền hàng, các chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí khác của Tổng công ty; Kiểm tra giám sát việc thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
 - Nhiệm vụ:
 - ✓ Trên cơ sở kế hoạch tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các phòng, ban, chi nhánh trong Tổng công ty tổng hợp xây dựng kế hoạch tài chính chung của Tổng công ty, tổ chức kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban, chi nhánh thực hiện đúng kế hoạch tài chính đã đề ra;
 - ✓ Quản lý, kiểm tra và theo dõi hiệu quả sử dụng vốn tại: Tổng công ty, các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết và trên các thị trường tài chính mà Tổng công ty đầu tư;
 - ✓ Thẩm định về mặt tài chính và hiệu quả kinh tế đối với các dự án đầu tư, hợp đồng kinh tế, mua bán, vay, cho vay theo sự phân cấp quản lý của Tổng công ty;
 - ✓ Thực hiện nhiệm vụ hạch toán kế toán toàn bộ hoạt động sản xuất – kinh doanh xuất nhập khẩu tại Tổng công ty; tổng hợp theo dõi tình hình hoạt động tài chính của các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết;
 - ✓ Phân tích hoạt động kinh tế hàng năm của Tổng công ty;
 - ✓ Tổng hợp, xử lý và lưu giữ các tài liệu, số liệu tài chính, kế toán theo đúng các chuẩn mực kế toán, Luật Kế toán và các quy định quản lý tài chính của Nhà nước;

- ✓ Thực hiện các tác nghiệp về nghiệp vụ kế toán trong Tổng công ty;
- ✓ Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu chi tài chính, thanh toán, giao nộp; Tình hình quản lý, sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn của Tổng công ty kể cả vốn đưa vào liên doanh, liên kết, hợp tác;
- ✓ Tổng hợp toàn bộ hoạt động tài chính của cơ quan Tổng công ty và các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty; Lập báo cáo, quyết toán hợp nhất sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, cả năm của Tổng công ty;
- ✓ Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, trình Tổng công ty;
- ✓ Tư vấn, chỉ đạo về mặt nghiệp vụ kế toán – tài chính cho các phòng, ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc Tổng công ty;
- ✓ Phối hợp với các phòng, ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc Tổng công ty xây dựng kế hoạch giá mua, giá bán, giá tồn kho các loại hàng hóa, vật tư và tài sản của Tổng công ty;
- ✓ Quyết toán các dự án mà Tổng công ty đầu tư hoặc tham gia góp vốn;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng Giám đốc giao.

➤ **Phòng kinh doanh 1:**

- Chức năng:
 - ✓ Tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực: quan hệ đối ngoại, chính sách xuất – nhập khẩu, pháp luật của Việt Nam và Quốc tế về hoạt động kinh doanh này;
 - ✓ Tìm kiếm thị trường, nguồn hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.
- Nhiệm vụ:
 - ✓ Điều tra, nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước; Phân tích và tổng hợp các thông tin thương mại; Nắm bắt cơ hội kinh doanh, thực hiện công tác Marketing, tìm kiếm khách hàng;
 - ✓ Phát triển thị trường hiện có của Tổng công ty; Mở rộng địa bàn tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty và các đơn vị thành viên nhằm tham gia tăng sản lượng phân bón tiêu thụ kinh doanh có hiệu quả;
 - ✓ Xây dựng và soạn thảo các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu trình Tổng Giám đốc phê duyệt;
 - ✓ Soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp và thông lệ quốc tế để Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền ký;
 - ✓ Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;
 - ✓ Tổ chức triển khai thực hiện các hợp đồng kinh tế trên cơ sở phương án kinh doanh đã được duyệt;

- ✓ Đề xuất với lãnh đạo Tổng công ty về các biện pháp quản lý nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- ✓ Tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm; Phân tích đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh theo tháng, quý, năm;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng Giám đốc giao.

➤ **Phòng kinh doanh 2:**

▪ Chức năng:

- ✓ Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các lĩnh vực: quan hệ đối ngoại, chính sách xuất – nhập khẩu, pháp luật của Việt Nam và Quốc tế về hoạt động kinh doanh này;
- ✓ Tìm kiếm thị trường, nguồn hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

▪ Nhiệm vụ:

- ✓ Điều tra, nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước; Phân tích và tổng hợp các thông tin thương mại; Nắm bắt cơ hội kinh doanh, thực hiện công tác Marketing, tìm kiếm khách hàng;
- ✓ Phát triển thị trường hiện có của Tổng công ty; Mở rộng địa bàn tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty và các đơn vị thành viên nhằm tham gia tăng sản lượng phân bón tiêu thụ kinh doanh có hiệu quả;
- ✓ Xây dựng và soạn thảo các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu trình Tổng Giám đốc phê duyệt;
- ✓ Soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp và thông lệ quốc tế để Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền ký;
- ✓ Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản – thực phẩm, thiết bị, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng,...;
- ✓ Tổ chức triển khai thực hiện các hợp đồng kinh tế trên cơ sở phương án kinh doanh đã được duyệt;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng giám đốc giao.

➤ **Phòng kế hoạch:**

▪ Chức năng:

Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trên các lĩnh vực kế hoạch và chiến lược trong sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu; kiểm tra các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu của các phòng trình Tổng giám đốc duyệt.

▪ Nhiệm vụ:

- ✓ Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của các phòng, ban, chi nhánh và đơn vị phụ thuộc trong Tổng công ty xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh hàng năm, ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Tổng công ty;
- ✓ Kiểm tra, thẩm định các phương án kinh doanh xuất nhập khẩu;
- ✓ Đánh giá và phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty;
- ✓ Tổng hợp cân đối kế hoạch sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu của Tổng công ty;
- ✓ Điều phối việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty;
- ✓ Dự báo thường xuyên về cung cầu, giá cả hàng hóa trên thị trường trong nước và ngoài nước đối với các mặt hàng mà Tổng công ty kinh doanh;
- ✓ Thống kê, tổng hợp các thông tin liên quan đến sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
- ✓ Lập báo cáo tổng hợp và báo cáo thống kê theo định kỳ báo cáo tổng kết năm để báo cáo Tổng giám đốc và các cơ quan hữu quan;
- ✓ Phối hợp với các phòng, ban và các đơn vị phụ thuộc trong Tổng công ty xây dựng kế hoạch giá mua, giá bán, giá tồn kho và các loại vật tư, hàng hóa và tài sản của Tổng công ty;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc giao.

➤ **Văn phòng Tổng hợp:**

- Chức năng:
 - ✓ Tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự; Xây dựng quy hoạch cán bộ, các chế độ chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và đối với người lao động;
 - ✓ Thanh tra – pháp chế; giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo; thi đua khen thưởng, dân quân tự vệ;
 - ✓ Công tác hành chính quản trị; bảo vệ tài sản; phòng chống cháy nổ.
- Nhiệm vụ:
 - ✓ Nghiên cứu các mô hình tổ chức quản lý tiên tiến để vận dụng vào thực tiễn của Tổng công ty; nghiên cứu áp dụng cải cách hành chính, lề lối làm việc, mối quan hệ giữa các phòng ban đơn vị của Tổng công ty thông suốt và hiệu quả;
 - ✓ Xây dựng các phương án quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt của Tổng công ty;
 - ✓ Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công nhân đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty;
 - ✓ Tổ chức xây dựng chức danh tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật của cán bộ công nhân viên trong Tổng công ty; Thực hiện việc thi chuyển ngạch, nâng lương, nâng bậc;

- ✓ Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước; Làm Sổ Bảo hiểm xã hội, theo dõi đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của cán bộ công nhân viên và người lao động trong Tổng công ty;
- ✓ Theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ, việc chấp hành Nội quy lao động, Quy chế làm việc và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ công nhân viên trong cơ quan Tổng công ty;
- ✓ Tổ chức xây dựng và quản lý định mức lao động, đơn giá tiền lương gắn với kết quả sản xuất kinh doanh;
- ✓ Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo theo quy định của pháp luật trong phạm vi của Tổng công ty;
- ✓ Theo dõi, thực hiện việc nâng, trả lương và các chế độ khác cho cán bộ công nhân viên Tổng công ty; theo dõi công tác an toàn, vệ sinh lao động trong Tổng công ty;
- ✓ Quản lý con dấu, quản lý hồ sơ nhân sự của cán bộ công nhân viên Tổng công ty thuộc thẩm quyền quản lý;
- ✓ Soạn thảo, thẩm định tính pháp lý của các nội quy, quy chế của Tổng công ty; chịu trách nhiệm về pháp lý và tư vấn đối với các hoạt động của Tổng công ty;
- ✓ Tổ chức phát động, hướng dẫn phong trào thi đua, theo dõi và tổng kết phong trào thi đua lao động sản xuất trong Tổng công ty;
- ✓ Đảm bảo và đáp ứng đầy đủ, kịp thời các cơ sở vật chất mang tính chất văn phòng để Lãnh đạo và các phòng ban trong cơ quan Tổng công ty hoạt động tốt;
- ✓ Quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa toàn bộ nhà cửa, trang thiết bị và tài sản của cơ quan Tổng công ty;
- ✓ Đón tiếp và hướng dẫn khách đến làm việc tại Tổng công ty;
- ✓ Đưa thông tin, bảo mật và quản lý mạng LAN trong Tổng công ty; sửa chữa, bảo dưỡng (cả phần cứng, phần mềm) các computer và thiết bị ngoại vi của Tổng công ty;
- ✓ Thực hiện công tác văn thư lưu trữ;
- ✓ Quản lý, bố trí phương tiện đi lại và các trang thiết bị vật tư văn phòng cho lãnh đạo và cán bộ cơ quan Tổng công ty làm việc và đi công tác;
- ✓ Quản lý hồ sơ pháp lý, hồ sơ đất đai và hồ sơ bất động sản thuộc cơ quan Tổng công ty;
- ✓ Bảo vệ tài sản; tìm kiếm đối tác và chủ động làm việc với khách hàng đến thuê văn phòng làm việc tại tòa nhà cơ quan Tổng công ty - 16 Ngô Tất Tố, khách sạn 120 Quán Thánh và các tòa nhà khác của Tổng công ty;
- ✓ Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường tại trụ sở Tổng công ty
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng giám đốc giao.
- ❖ **Chi nhánh Hà Nội:** Chi nhánh Hà Nội được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Phát triển nguồn nhân lực Vigecam, là đơn vị hạch toán phụ thuộc, có chức năng bán hàng, giới thiệu sản phẩm cho Tổng công ty.

- ❖ **Tổng công ty thực hiện giải thể chi nhánh Hải Phòng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.** Số lao động tại hai đơn vị này được điều chuyển về các phòng kinh doanh của Tổng công ty.
- ❖ **Các công ty con, Công ty liên kết**
 - **Các công ty con:** Có 02 Công ty con gồm: CTCP Vật tư Nông nghiệp I Hải Phòng và CTCP Đầu tư xây dựng và Thương mại Tín Phát.
 - **Các công ty liên kết:** Có 06 Công ty liên kết gồm: CTCP Vật tư nông sản; CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư nông nghiệp và nông sản; CTCP Vật tư nông nghiệp II Đà Nẵng; CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư nông nghiệp III Hồ Chí Minh; CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư nông sản và Vận tải; CTCP Phát triển nông nghiệp GFS Việt Nam.
- ❖ **Các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội:** Công ty cổ phần có Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá

3.1 Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kể sau khi cổ phần hoá

STT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Vốn điều lệ	đồng	220.000.000.000	220.000.000.000	220.000.000.000
2	Tổng tài sản	đồng	419.531.768.259	461.978.643.158	513.696.109.644
3	Vốn chủ sở hữu	đồng	221.445.268.364	224.236.185.297	226.756.975.730
4	Tổng doanh thu	đồng	286.277.975.834	359.403.071.071	435.923.094.976
4.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	271.723.076.571	340.324.014.252	413.834.892.903
-	Phân bón	đồng	135.321.428.571	184.037.142.857	234.647.357.143
-	Chè xuất khẩu	đồng	42.697.200.000	50.083.815.600	58.748.315.699
-	Nông sản (đậu tương hạt)	đồng	5.997.600.000	6.851.658.240	7.827.334.373
-	Mủ cao su	đồng	20.014.848.000	22.864.962.355	26.120.932.995
-	Đường RS	đồng	36.556.800.000	41.762.488.320	47.709.466.657
-	Dầu hướng dương	đồng	21.991.200.000	25.122.746.880	28.700.226.036
-	Cho thuê văn phòng, kho bãi	đồng	9.144.000.000	9.601.200.000	10.081.260.000
4.2	Doanh thu tài chính	đồng	8.866.461.531	11.954.480.285	13.424.697.858
4.3	Doanh thu khác	đồng	5.688.437.731	7.124.576.933	8.663.504.216
	Tốc độ tăng trưởng	%	89,40	25,54	21,29

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
5	Tổng chi phí	đồng	272.797.359.566	341.257.128.137	415.237.844.406
6	Nộp ngân sách	đồng	27.172.307.657	34.032.401.425	41.383.489.290
7	Lợi nhuận sau thuế	đồng	10.784.493.014	14.516.754.667	16.548.200.456
8	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	%	5	7	8
9	Lãi cơ bản/l cổ phiếu (EPS)	đồng	490	660	752
10	Tỷ lệ cổ tức	%	4	5	6
11	Lao động bình quân	Người	68	68	68
12	Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	9.461.002	10.407.102	11.447.813
13	Tổng quỹ lương	Đồng	7.720.177.632	8.492.195.232	9.341.415.408

Nguồn: Tổng Công ty

3.2 Các giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2016-2018 đã đề ra, Tổng công ty đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

❖ Về tổ chức, nhân sự:

- Nghiên cứu và sắp xếp bố trí lao động; đưa ra mô hình tổ chức tại các phòng, ban đơn vị trực thuộc theo hướng phát triển nhằm nâng cao tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đáp ứng được các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.
- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện phương án trả lương gắn với hiệu quả công việc đảm nhiệm, khuyến khích những người có khả năng lao động mang lại hiệu quả cao và hưởng lương cao theo kết quả công việc.
- Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, thực hiện tốt công tác tạo nguồn, quy hoạch cán bộ, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ với mục tiêu nâng cao chất lượng cán bộ.

❖ Giải pháp về kỹ thuật:

Tổ chức thực hiện tin học hóa hệ thống quản lý để ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin vào trong quản lý sản xuất kinh doanh, rút ngắn khoảng cách không gian, thời gian; thông qua việc tổng hợp số liệu.

❖ Giải pháp về quản trị doanh nghiệp:

- Đảm bảo sự điều hành tập trung thống nhất, quy định trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng từng đơn vị, cá nhân để phát huy tính chủ động sáng tạo và tự chịu trách nhiệm, từ đó nâng cao hiệu quả công việc.

- Xây dựng đội ngũ cán quản lý và kinh doanh có trình độ nghiệp vụ chuyên sâu, có kinh nghiệm về nghề; Phân cấp quản lý tài chính, tăng cường kiểm soát định mức, chi phí nhằm đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong huy động và sử dụng vốn nhà nước.
- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các định mức khoán cho phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và đặc điểm của Tổng công ty.
- Hoàn chỉnh các quy định về phân cấp quản lý điều hành của Tổng công ty, xây dựng quy chế hoạt động để chính thức ban hành sau khi thực hiện xong cổ phần hóa Tổng công ty.
- Áp dụng chế độ tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác theo hướng gắn chặt lợi ích với mức độ hoàn thành nhiệm vụ và hiệu quả hoạt động của công ty, có tính tới đặc thù ngành, nghề và lĩnh vực hoạt động.
- Cử người trực tiếp quản lý vốn tại các công ty cổ phần có vốn góp của Tổng công ty, giao nhiệm vụ và yêu cầu người trực tiếp quản lý phân vốn góp chi phối xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty con. Báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tổng công ty.
- Tổng công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ của cổ đông tại công ty liên kết.
- Tạo cơ chế và tổ chức điều hành, quản lý phù hợp với tình hình mới trên cơ sở phát huy hết khả năng của từng thành viên trong tập thể, làm rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của từng người.

❖ Về quản trị sản xuất kinh doanh:

- Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp theo mô hình công ty cổ phần, tiếp tục hoàn thiện chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong công ty, tăng cường công tác quản lý và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đầy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả, duy trì công tác sản xuất kinh doanh tổng hợp, đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh. Xác định phân bón, xuất khẩu chè vẫn là những mặt hàng kinh doanh chính.
- Tăng cường công tác tiếp thị, đánh giá chất lượng thực nghiệm mô hình để đưa sản phẩm phân bón nhà chặm hiệu “Con lười” thâm nhập thị trường.
- Khuyến khích các hoạt động thi đua lao động trong sản xuất kinh doanh của các tổ chức đoàn thể, xây dựng khối đoàn kết trong cán bộ công nhân viên để gắn bó và cống hiến tài trí góp phần xây dựng Tổng công ty ngày một vững mạnh.

❖ Về kinh doanh vật tư hàng hóa và dịch vụ:

- Tập trung phát triển những ngành nghề chính, những lĩnh vực kinh doanh mà Tổng công ty đang có lợi thế như: Nhập khẩu và kinh doanh phân bón trong nước; nhập khẩu và kinh doanh nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi; nhập khẩu và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; xuất khẩu cao su; xuất khẩu nông sản, trong đó:

+ Đối với hoạt động kinh doanh phân bón: Năm 2016, Tổng công ty dự kiến sản lượng tiêu thụ khoảng 15.000 tấn (mua một phần từ Nhà máy NPK tại Thủy Nguyên, Hải Phòng; hợp tác với Công ty CP Phân bón Mùa vàng về dự án phân bón “con lười”, thu mua từ các nhà

cung cấp nội địa hoặc nhập khẩu nếu điều kiện thuận lợi) trên cơ sở có sự tham gia hỗ trợ của các nhà đầu tư chiến lược trong công tác tìm kiếm thị trường, phân phối sản phẩm,.... Từ năm 2017, sản lượng tiêu thụ mỗi năm tăng thêm khoảng 5.000 tấn và từ năm 2019 sản lượng tiêu thụ hàng năm tăng trưởng 10%/năm;

+ Đối với hoạt động kinh doanh chè: Tổng công ty thực hiện thu mua và tinh chế nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng giá trị xuất khẩu. Năm 2016, dự kiến sản lượng tiêu thụ đạt khoảng 800 tấn (tăng 15% so với năm 2015). Trong những năm tới, Tổng công ty phấn đấu để đạt chỉ tiêu tăng trưởng giá trị xuất khẩu chè là 10%/năm. Đây là mặt hàng có nhiều tiềm năng phát triển của Tổng công ty do sức mua ổn định và nhu cầu ngày càng cao.

+ Đối với hoạt động kinh doanh nông sản như đậu tương hạt, mù cao su, đường RS, dầu hướng dương, dự kiến sản lượng tiêu thụ hàng năm tăng trưởng bình quân khoảng 12%.

- Tiếp tục đầu tư phát triển, mở rộng thị trường mua và bán các ngành hàng kinh doanh phụ trợ như: Kinh doanh cho thuê văn phòng, khách sạn nhà xưởng và kho bãi, kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp nông thôn, kinh doanh điện tử, điện máy,... Trong đó, sắp tới Tổng công ty dự kiến đầu tư mua sắm để nâng cấp khách sạn tại 120 Quán Thánh với tổng giá trị khoảng 10 tỷ đồng.
- Tổng công ty giao cho các đơn vị nghiên cứu xây dựng cơ chế khoán kinh doanh cho từng phòng/ban, chi nhánh thuộc Tổng công ty theo nguyên tắc làm nhiều có hiệu quả cao được hưởng thụ nhiều và ngược lại làm ít, hiệu quả thấp hưởng thụ thấp, tiếp tục rà soát chỉnh sửa các quy chế cho phù hợp với tình hình kinh doanh và quản lý kinh doanh của Tổng công ty ở từng thời kỳ.
- Tổng công ty luôn chú trọng đến cách thức làm việc theo nhóm. Để thực hiện có hiệu quả sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng thì mỗi một phương án kinh doanh, mỗi một dự án đầu tư xây dựng, mỗi một công việc được giao cho một tổ công tác. Tổ trưởng là người trực tiếp chỉ đạo và những thành viên trong tổ phối hợp triển khai thực hiện. Tổ trưởng chịu trách nhiệm chính về hiệu quả dự án kinh doanh hoặc dự án đầu tư. Nếu thực hiện có hiệu quả thì tổ công tác được hưởng thụ theo hiệu quả đó và nếu làm thất thoát lãng phí, thua lỗ phải bồi thường.
- Là doanh nghiệp kinh doanh thương mại bán buôn, Tổng công ty phải tìm kiếm và xây dựng được những bạn hàng đủ tin cậy, có năng lực tài chính ở các vùng thị trường trọng điểm, như ở miền Tây Nam Bộ, miền Đông Nam Bộ, miền Trung và Tây Nguyên, Tây Bắc. Quan điểm của Tổng công ty là khi cùng tham gia vào chuỗi kinh doanh thì thuận lợi cùng được hưởng, khó khăn cùng chia sẻ.
- Quan điểm quản lý tài chính trong kinh doanh: Khách hàng trả tiền đến đâu giao hàng đến đó, giao đúng, giao đủ, giao kịp thời. Không trả trước cho người bán hàng, trừ một số mặt hàng chiến lược thì phải có hợp đồng chặt chẽ, có tính lãi cho thời gian trả trước đó và chỉ áp dụng với những người bán hàng có năng lực tài chính, có uy tín. Mỗi một bạn hàng (một đối tác) chỉ quan hệ mua bán với một đơn vị kinh doanh của Tổng công ty.
- Rà soát lại các định mức chi phí, thực hiện phân cấp quản lý tài chính cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc chủ động kinh doanh như đơn vị hạch toán độc lập và tự chịu trách nhiệm

trước Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và trước pháp luật về hoạt động kinh doanh của đơn vị.

❖ Về đầu tư tài chính:

Thường xuyên kiểm tra, rà soát hiệu quả nguồn vốn của Tổng công ty đầu tư tại các Công ty cổ phần để có lộ trình tiếp tục thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp, tập trung phát triển những ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

❖ Giải pháp về vốn:

- Tranh thủ các nguồn vốn tín dụng của nhà nước giữ vững quan hệ và uy tín đối với các tổ chức tín dụng trong việc vay và thanh toán.
- Tính toán và phân bổ nguồn vốn một cách phù hợp.
- Thực hiện nghiêm việc bố trí lại cơ cấu tài chính phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, tăng cường tiết kiệm hạ thấp chi phí quản lý.
- Hàng năm, trên cơ sở các phương án kinh doanh của các phòng, ban đơn vị đã được phê duyệt, Phòng Kế toán tài chính có kế hoạch tài chính cụ thể phục vụ sản xuất kinh doanh, cân đối đảm bảo nguồn tài chính để phục vụ việc thực hiện phương án kinh doanh của các đơn vị ở từng thời điểm cụ thể.
- Cần có giải pháp huy động các nguồn vốn nhân rồi, huy động góp vốn từ CBCNV, hạn chế vay lãi xuất cao của Ngân hàng, sử dụng vốn hợp lý, luân chuyển vốn nhanh, xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết và cụ thể tránh để đọng vốn và khách hàng chiếm dụng vốn...

4. Cơ cấu lao động của Công ty sau cổ phần hoá

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ	66	100%
1	Đại học và trên đại học	56	84,85%
2	Cao đẳng, trung cấp	3	4,55%
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	2	3,03%
4	Lao động khác	5	7,58%
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	66	100%
1	Viên chức quản lý doanh nghiệp (không thuộc diện ký Hợp đồng lao động)	5	7,58%
2	Lao động không xác định thời hạn	44	66,67%
3	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	17	25,76%
4	Khác	0	0%

5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần**❖ Vốn điều lệ**

- Vốn điều lệ: 220.000.000.000 đồng .
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần: 22.000.000 cổ phần.

❖ Cơ cấu cổ đông

TT	Danh mục	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ phần nhà nước	0	0	0 %
2	Cổ phần bán cho CBCNV, trong đó:	238.200	2.382.000.000	1,08%
2.1	Cổ phần bán ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất	84.700	847.000.000	0,38%
2.2	Cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho Công ty (200 CP/năm công tác)	61.000	610.000.000	0,28%
2.3	Cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho Công ty (500 CP/năm công tác)	92.500	925.000.000	0,42%
3	Cổ phần bán cho Tổ chức công đoàn	11.220	112.200.000	0,05%
4	Cổ phần bán ra bên ngoài	21.750.580	217.505.800.000	98,87%
4.1	Nhà đầu tư chiến lược	15.400.000	154.000.000.000	70%
4.2	Bán đấu giá công khai	6.350.580	63.505.800.000	28,87%
	Tổng Cộng	22.000.000	220.000.000.000	100%

❖ Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần:

Tổng Công ty chưa có kế hoạch tăng/ giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần..

VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN**1. Phương thức bán****❖ Đối với người lao động**

a) *Cổ phần ưu đãi giảm giá (giảm 40% bán cho NLD) theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP*

Tổng số lao động	:	69 người
Tổng số LD được mua CP theo giá ưu đãi	:	68 người
Tổng số năm công tác	:	847 năm
Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi	:	84.700 cổ phần, tương đương 0,38% Vốn điều lệ
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
Hạn chế chuyển nhượng	:	Không
Giá bán cổ phần ưu đãi	:	60% giá bán thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá
Thời gian thực hiện dự kiến	:	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

b) *Cổ phần đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP.*

Tiêu chí xác định tại	:	Biên bản Hội nghị người lao động ngày 25/08/2015
Tổng số LD cam kết làm việc lâu dài	:	58 người
Tổng số CP được mua theo cam kết số năm làm việc	:	153.500 cổ phần, tương đương 0,7% Vốn điều lệ
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Mua thêm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 NĐ 59/2011/NĐ-CP(200cp/1 năm)</i>	:	<i>61.000 cổ phần, tương đương 0,28% Vốn điều lệ</i>
- <i>Mua thêm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 NĐ 59/2011/NĐ-CP(500cp/1 năm)</i>	:	<i>92.500 cổ phần, tương đương 0,42% Vốn điều lệ</i>
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
Hạn chế chuyển nhượng	:	Hạn chế chuyển nhượng theo thời gian cam kết làm việc
Giá bán	:	Bằng giá bán thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá
Thời gian thực hiện dự kiến	:	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

❖ *Đối với cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn*

Tổ chức công đoàn Văn phòng Tổng công ty đăng ký mua 11.220 cổ phần, tương ứng 0,05% vốn điều lệ. Giá bán cho Tổ chức công đoàn: Bằng 60% giá bán thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá. Cổ phần ưu đãi bán cho Tổ chức công đoàn bị hạn chế chuyển nhượng.

❖ **Đối với cổ phần thực hiện đấu giá công khai**

- Số cổ phần tổ chức bán đấu giá: 6.350.580 cổ phần, tương ứng 28,87% Vốn điều lệ
- Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

❖ **Đối với cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược**

- Số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 15.400.000 cổ phần, tương ứng 70% Vốn điều lệ. Thực hiện Quyết định số 723/QĐ-TTg ngày 28/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp, hiện nay Bộ Nông nghiệp và PTNT đang rà soát, báo cáo cụ thể hơn về tiêu chí lựa chọn, quá trình tổ chức lựa chọn và đề xuất nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty Vật tư nông nghiệp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.
- Thời điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: Bán sau khi thực hiện đấu giá công khai.
- Phương thức bán cho nhà đầu tư chiến lược: Thỏa thuận trực tiếp.
- Giá bán cho nhà đầu tư chiến lược: Giá bán không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần bán đấu giá công khai: phương thức và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định cụ thể trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành;
- Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên: do Ban Chi đạo cổ phần hoá quy định.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ

1. Dự kiến số tiền thu được từ cổ phần hóa

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	220.000.000.000
2	Vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	117.241.583.230
3	Tiền thu từ cổ phần hóa	221.812.483.200
a	Thu từ bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV	513.282.000
B	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV mua thêm	1.550.350.000

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị (đồng)
C	Thu từ bán cổ phần cho Tổ chức công đoàn	67.993.200
D	Thu từ bán cho cổ đông chiến lược	155.540.000.000
E	Thu từ bán cổ phần ra bên ngoài thông qua đấu giá	64.140.858.000
4	Giá trị cổ phần theo giá khởi điểm bán cho CBCNV, Tổ chức công đoàn, cổ đông chiến lược, bán đấu giá ra bên ngoài	220.000.000.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm (5) = (1) - (2)	102.758.416.770
6	Chi phí cổ phần hóa đơn vị thực hiện	1.274.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	0
8	Phần thặng dư để lại doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/vốn điều lệ (8) = { (3) - (4) - (6) - (7) } x { (5)/(1) }	251.516.732
9	Tổng số hoàn vốn ngân sách (9) = (3) - (5) - (6) - (7) - (8)	117.528.549.698

Nguồn: Tổng công ty

2. Phương án xử lý số tiền thu được từ cổ phần hóa

- Nộp về Quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP phần giá trị cổ phần Nhà nước bán bớt theo mệnh giá. Để lại doanh nghiệp phần giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá.
- Phần thặng dư vốn (chênh lệch giữa tiền thu từ cổ phần hóa và tổng mệnh giá cổ phần nhà nước bán bớt cộng (+) cổ phần phát hành thêm) được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư (nếu có). Số tiền còn lại (nếu có) được phân chia như sau:
 - + Để lại cho doanh nghiệp theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần phát hành thêm.
 - + Số tiền còn lại (nếu có) được nộp về Quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.
- Trường hợp phần thặng dư vốn không đủ để thanh toán chi phí cổ phần hóa và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư thì được bổ sung từ nguồn Quỹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

IX. KẾ HOẠCH THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 26/06/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày

13/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch Chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết, Công ty có nghĩa vụ:

a) Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quy định pháp luật về cổ phần hóa và trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán chứng khoán ra công chúng của các doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật về chứng khoán, tổ chức phát hành phải hoàn tất các thủ tục để đăng ký lại doanh nghiệp (nếu có), đăng ký lưu ký cổ phần, cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom;

b) Trường hợp doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa theo quy định tại Điều 22 Nghị định này dưới hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng mà đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết theo quy định tại Điều 53 hoặc Điều 54 Nghị định này, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán và báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Sau khi hoàn tất chuyển đổi sang Công ty cổ phần, nếu Tổng Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng, Tổng Công ty cam kết sẽ thực hiện theo quy định.

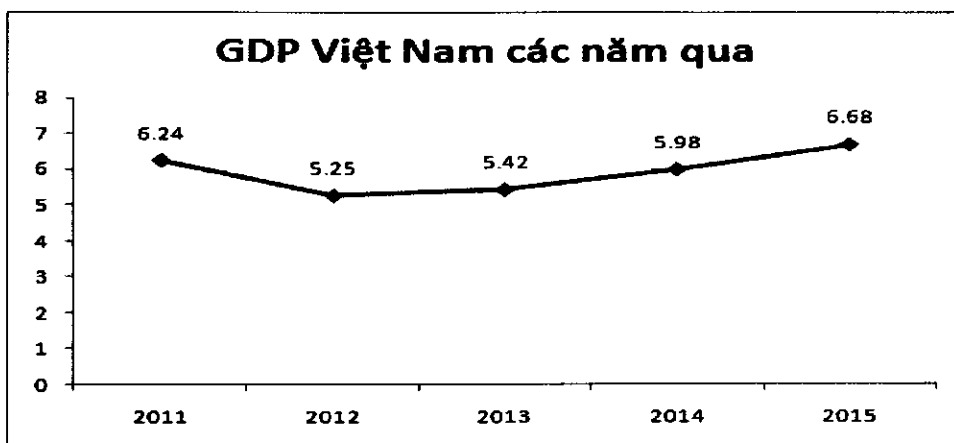
X. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Rủi ro về nền kinh tế

❖ Tăng trưởng kinh tế:

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam có xu hướng tăng dần trong những năm 2000 – 2007 với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 7,8%. Tuy nhiên cuộc khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác của nước ta, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2008 chỉ đạt 6,18% và con số này trong năm 2009, 2010 và 2011 sau nhiều nỗ lực phục hồi nền kinh tế của Chính phủ cũng tương ứng chỉ là 5,32%, 6,78% và 5,89%.



Nguồn: Tổng cục thống kê

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2012 tiếp tục bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu chưa được giải quyết. Suy thoái trong khu vực đồng Euro cùng với khủng hoảng tín dụng và tình trạng thất nghiệp gia tăng tại các nước thuộc khu vực này vẫn đang tiếp diễn. Hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu bị tác động mạnh, giá cả hàng hóa diễn biến phức tạp. Tăng trưởng của các nền kinh tế đầu tàu suy giảm kéo theo sự sụt giảm của các nền kinh tế khác. Một số nước và khối nước lớn có vị trí quan trọng trong quan hệ thương mại với nước ta như: Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và EU đối mặt với nhiều thách thức nên tăng trưởng chậm. Những bất lợi từ sự sụt giảm của kinh tế thế giới ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống dân cư trong nước. Thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua trong dân giảm. Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại. Nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể. Nền kinh tế Việt Nam, do phải đối mặt với những khó khăn thách thức lớn kể trên, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2012 chỉ đạt 5,03%; lạm phát tiếp tục tăng; mặt bằng lãi suất cao; tỷ giá biến động bất thường. Những bất ổn kinh tế vĩ mô đã trở thành thách thức lớn đối với nền kinh tế Việt Nam trong năm 2012.

Năm 2013, kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, GDP năm 2013 tăng hơn 5,42%, cải thiện tích cực so với mức tăng 5,25% của năm 2012. Năm 2014 và năm 2015, tốc độ tăng trưởng GDP đạt mức 5,98% và 6,68%, cao hơn mức tăng trưởng của các năm trước nhưng nhìn chung tốc độ tăng trưởng GDP vẫn còn chậm so với mục tiêu đề ra. Những khó khăn và bất ổn kinh tế trong những năm gần đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Mặc dù nền kinh tế đang dần thoát ra khỏi giai đoạn suy thoái, nhưng để tiếp tục tồn tại và phát triển, đòi hỏi Tổng Công ty phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển vươn lên.

❖ **Lạm phát:**

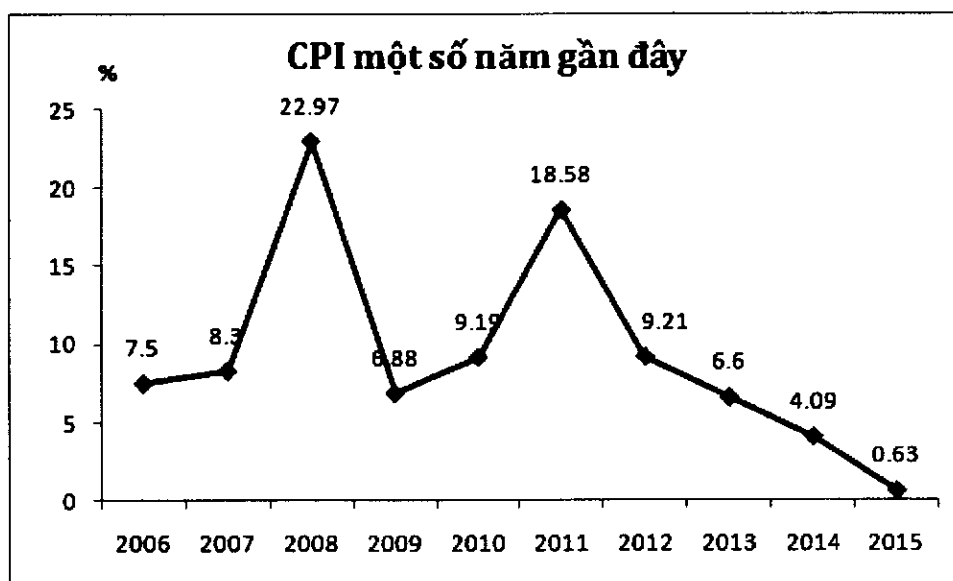
Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp thông qua các chi phí chi phí sản xuất kinh doanh. Tại Việt Nam, tỷ lệ lạm phát đã tăng từ 6,6% năm 2006 lên 12,6% trong năm 2007, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã tăng lên tới 19,87%. Năm 2009,

nhờ các nỗ lực kiểm soát lạm phát của Chính phủ và Nhà nước, tỷ lệ lạm phát giảm xuống còn 6,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2010 tăng tới 11,8%.

Tính chung trong giai đoạn 2001-2010, lạm phát của Việt Nam đã tăng trung bình trên 8,8%/năm, vượt xa con số của một số quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan (2,7%) hay Trung Quốc (2,1%).

Đặc biệt, chỉ số giá tiêu dùng năm 2011 đã tăng tới 18,13% so với tháng 12 năm 2010, vượt xa chỉ tiêu 7% đặt ra từ đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng mạnh này là do những biến động về giá vàng, tỷ giá USD, lãi suất, nhập siêu cao... đã kéo theo nhiều mặt hàng trong nước tăng giá. Ngoài ra, giá cả của các mặt hàng công nghiệp, lương thực tăng mạnh cũng đã góp phần gây ra tình trạng lạm phát tăng cao gần đây. Năm 2012, với mục tiêu chính trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ là kiềm chế lạm phát, Việt Nam đã đạt được kết quả khá quan với tỷ lệ lạm phát của cả năm 2012 dừng lại tại mức 6,8%

Năm 2013, với mục tiêu hàng đầu là kiềm chế lạm phát, tỷ lệ lạm phát đã được Chính phủ đưa xuống ở mức 6%. Trong năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,09% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát mấy năm gần đây giảm thấp cho thấy công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ đã đạt được mục tiêu đề ra. Tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp, giúp Doanh nghiệp kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định. Tuy nhiên, lạm phát thấp cũng cho thấy sức cầu tiêu dùng ngày càng yếu đi, làm gia tăng nguy cơ giảm phát và tác động tiêu cực đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Chỉ số lạm phát CPI cả nước năm 2015 tăng 0,63% so với năm 2014, là mức tăng thấp nhất của chỉ số giá tiêu dùng kể từ năm 2001 trở lại đây.



Nguồn: GSO

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây lên không ít khó khăn

cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện. Tổng công ty sau cổ phần hóa sẽ hoạt động theo Luật doanh nghiệp và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

3. Rủi ro đặc thù

- Sản phẩm chủ lực của Tổng công ty chủ yếu là các sản phẩm nông sản. Hiện nhà nước có chủ trương khuyến khích phát triển ngành chế biến và xuất khẩu nông sản, song nguồn hàng trong nước có chất lượng và đạt tiêu chuẩn có quy mô chưa nhiều và chịu sự tác động của tính thời vụ và thời tiết đối với sản phẩm nông nghiệp.
- Việc xuất khẩu nông sản gặp sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các nước cùng xuất khẩu, cũng như các rào cản về pháp lý và kỹ thuật của các nước nhập khẩu.
- Các sản phẩm hiện tại của Công ty mẹ Tổng công ty chủ yếu là xuất khẩu, do đó chịu ảnh hưởng lớn về biến động chính trị, biến động kinh tế, biến động giá và tỷ giá trong nước và thế giới.
- Các sản phẩm nông sản xuất khẩu có giá trị thì biến động giá phụ thuộc vào giá thế giới và thường biến động phức tạp. Chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí vận tải... thường là những chi phí chiếm tỷ trọng lớn.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phiếu mà mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và cả yếu tố tâm lý của nhà đầu tư vì vậy có thể xảy ra khả năng không phân phối hết số lượng cổ phần chào bán đầu giá.

5. Các rủi ro khác

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, khoản phát sinh chênh lệch giảm giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (đối với Tổng công ty là 24h00 ngày 31/03/2015) thì xử lý như sau:

a) Nếu do nguyên nhân khách quan:

- Nếu do nguyên nhân khách quan (do thiên tai; dịch họa; do Nhà nước thay đổi chính sách hoặc do biến động của thị trường quốc tế và các nguyên nhân bất khả kháng khác) doanh nghiệp báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định việc sử dụng tiền thu từ bán cổ phần để bù đắp tổn thất sau khi trừ đi bồi thường của bảo hiểm (nếu có). Trường hợp tiền thu từ bán cổ phần không đủ bù đắp, cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét thông qua Đại hội đồng cổ đông để điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần.

b) Nếu do nguyên nhân chủ quan:

- Nếu lỗi do việc không xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp thì phải xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: doanh nghiệp, tổ chức tư vấn định giá và cơ quan quyết định cổ phần hóa để xử lý bồi thường vật chất;
- Nếu lỗi do điều hành sản xuất, kinh doanh thì các cán bộ quản lý doanh nghiệp đó có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tổn thất do chủ quan gây ra theo quy định hiện hành;
- Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người có trách nhiệm bồi thường không có khả năng thực hiện việc bồi thường theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phần tổn thất còn lại được xử lý như trường hợp do nguyên nhân khách quan theo quy định tại mục a nói trên.

Ngoài ra còn có các rủi ro khác như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Tổng Công ty.

XI. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra ngoài công chúng của Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Tổng công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty mẹ - Tổng công ty Vật tư nông nghiệp cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Tổng công ty.

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2016

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÔNG TY TNHH MTV
THÀNH VIÊN BCD - PHỤ TRÁCH HĐTV



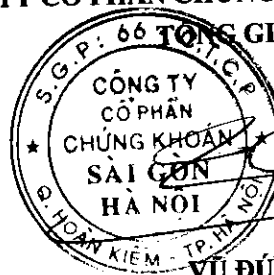
NGUYỄN TRƯỜNG THẮNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
TỔNG CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP



NGUYỄN TRƯỜNG THẮNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI



VŨ ĐỨC TIẾN